

LỜI MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài:

Như mọi người đã biết, Công ty CPTM Minh Khai – tiền thân là bách hóa tổng hợp Minh Khai- được biết đến như là một thương hiệu lớn của ngành Công thương Hải Phòng. Với chặng đường hình thành và phát triển hơn 30 năm, Công ty đã từng bước trải qua những diễn biến thăng trầm của nền kinh tế khi đất nước chuyển từ giai đoạn bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước hay gần đây nhất là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài. Là một Doanh nghiệp thuộc loại vừa và nhỏ, để có thể tồn tại và đứng vững trên làn sóng bấp bênh đó thì đòi hỏi ban điều hành Công ty cần phải có những quyết định cũng như những chiến lược kinh doanh đúng đắn, kịp thời và hợp lý. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng trở thành một công cụ then chốt để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể đưa ra các quyết định và giải pháp cho Công ty của mình. Tuy nhiên, hiện nay trong công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Minh Khai vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Điều đó đã làm cho việc theo dõi chính xác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh gặp phải những khó khăn nhất định dẫn đến một hệ quả là việc những chiến lược kinh doanh đưa ra rất có thể sẽ không chính xác, phương hướng quản lý chi phí kinh doanh không hợp lý. Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Xuất phát từ nhận định trên đề tài hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Minh Khai đã được hình thành. Thông qua đó, hy vọng đề tài sẽ đưa ra được một số biện pháp thiết thực cho việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty CPTM Minh Khai.

Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Làm rõ các lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả, phân tích thực tế tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Minh Khai.
- Đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Minh Khai

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai
- Phạm vi nghiên cứu: Bài nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Phương pháp và thiết bị nghiên cứu của đề tài:

- Phương pháp thống kê
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Các phương pháp kế toán

Dự kiến kết quả nghiên cứu của đề tài:

1. Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Dùng làm tài liệu cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên ngành kế toán kiểm toán nói riêng.

2. Những đóng góp liên quan đến DN:

Những giải pháp đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác quản lý chi phí nói riêng trong

DN. Ngoài ra còn là tài liệu tham khảo giúp cho các doanh nghiệp khác trên cơ sở đó vận dụng vào tổ chức công tác kế toán tại đơn vị mình.

Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong DN

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại Minh Khai

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Minh Khai

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Nguyễn Thị Mai Linh và các bác, các cô trong phòng kế toán tại Công ty đã giúp em hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, đề tài của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đem lại hiệu quả cao; đồng thời xem xét, phân tích những mặt hàng nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra những giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Để có thể tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thật hợp lý và phù hợp, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác,...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra doanh nghiệp phải xác định đúng đắn kết quả kinh doanh. Có như vậy thì doanh nghiệp mới biết được thực chất tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng

phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp các thông tin giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất; đồng thời giúp cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý tài chính, cơ quan thuế,...giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phía thu của khách hàng.
- Phản ánh, tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản:

1.1.3.1 Doanh thu.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp các lao vụ, dịch vụ.

📖 Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Doanh nghiệp xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

📖 Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
- Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý ký gửi.
- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã thu được bên mua nhận nợ.
- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

📖 Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu.**

✓ *Chiết khấu thương mại(CKTM):* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

✓ *Giảm giá hàng bán (GGHB):* là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, kích cỡ.

✓ *Hàng bán bị trả lại (HBBTL):* là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

✓ *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):* thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

✓ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

✓ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu, đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu thuần.**

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Thu nhập khác.**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2 Chi phí.

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến là giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí:

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính và giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài,...

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái,...

❖ **Chi phí khác:** là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế thực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ *Chi phí thuế TNDN hiện hành:* là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

✓ *Chi phí thuế TNDN hoãn lại:* là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:* Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	=	DT BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	GVHB	-	CPBH, QLDN
-------------------------------	---	------------------	---	------------------------------------	---	------	---	---------------

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

➤ *Kết quả hoạt động tài chính:* Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

➤ *Kết quả hoạt động khác:* Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

➤ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:* là tổng số của Lợi nhuận từ hoạt động SXKD, Lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

➤ *Lợi nhuận sau thuế TNDN:* là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.2 NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- ✓ Hóa đơn GTGT (được lập làm 3 liên).
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có.
- ✓ Báo cáo chi tiết hàng ủy thác nhập, giao bán thẳng, nhận hàng.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.

❖ *Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm

- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK5118: Doanh thu khác

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu bán hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần và TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.**

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5122: Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại.***

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại.***

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có:

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán.***

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.***

☞ Các tài khoản cấp 2 dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- TK3331: Thuế GTGT phải nộp
- TK3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK3333: Thuế xuất, nhập khẩu.

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

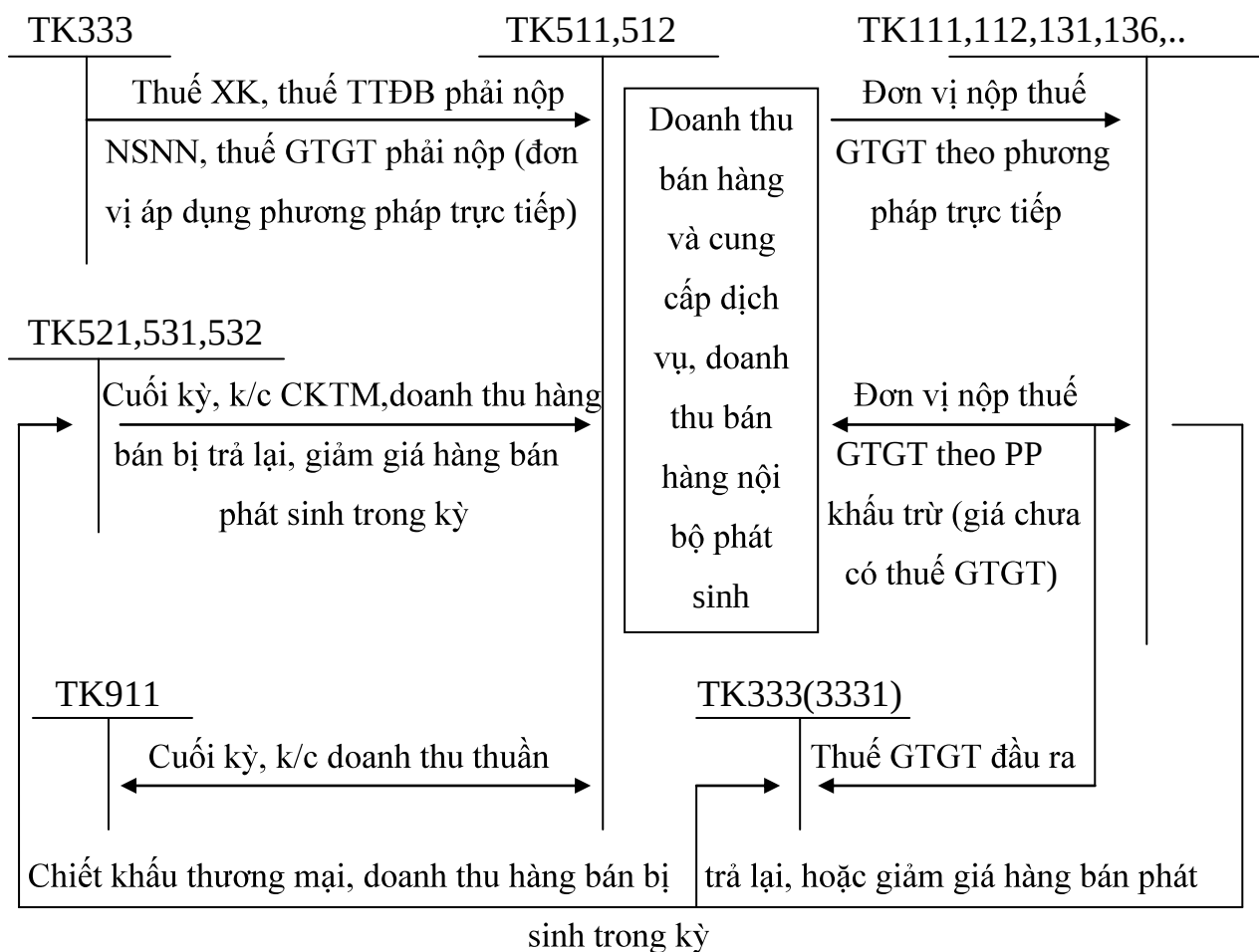
Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”, có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho là:

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền:* giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương từ đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

✓ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):* áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời

điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)*: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

1.2.2.2 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Phiếu xuất kho.
- ✓ Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng.

☞ *Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.*

☞ *Kết cấu:*

☞ ***Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.***

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm gây ra;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ;
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- Trị giá bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

➤ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho, dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

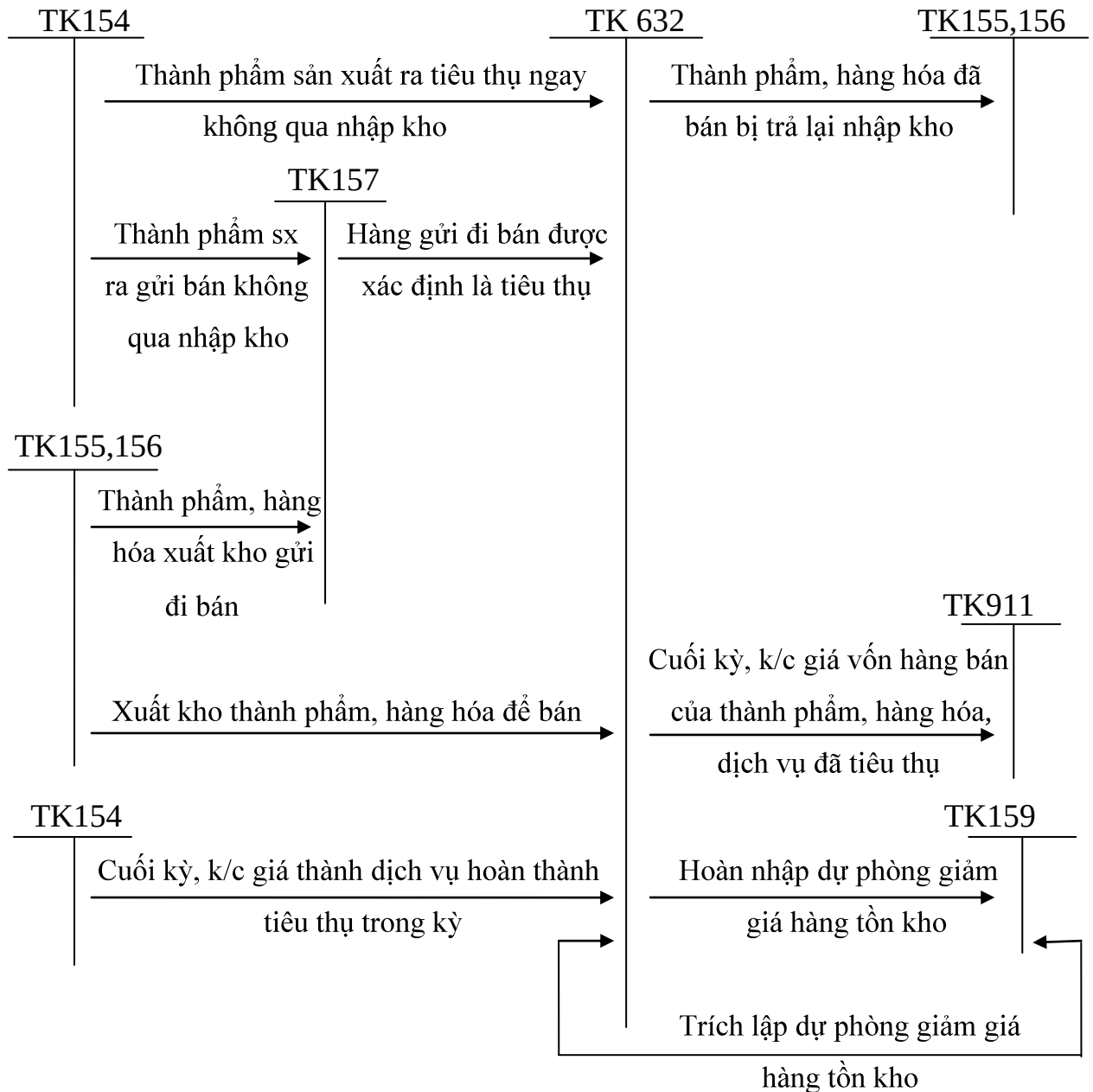
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

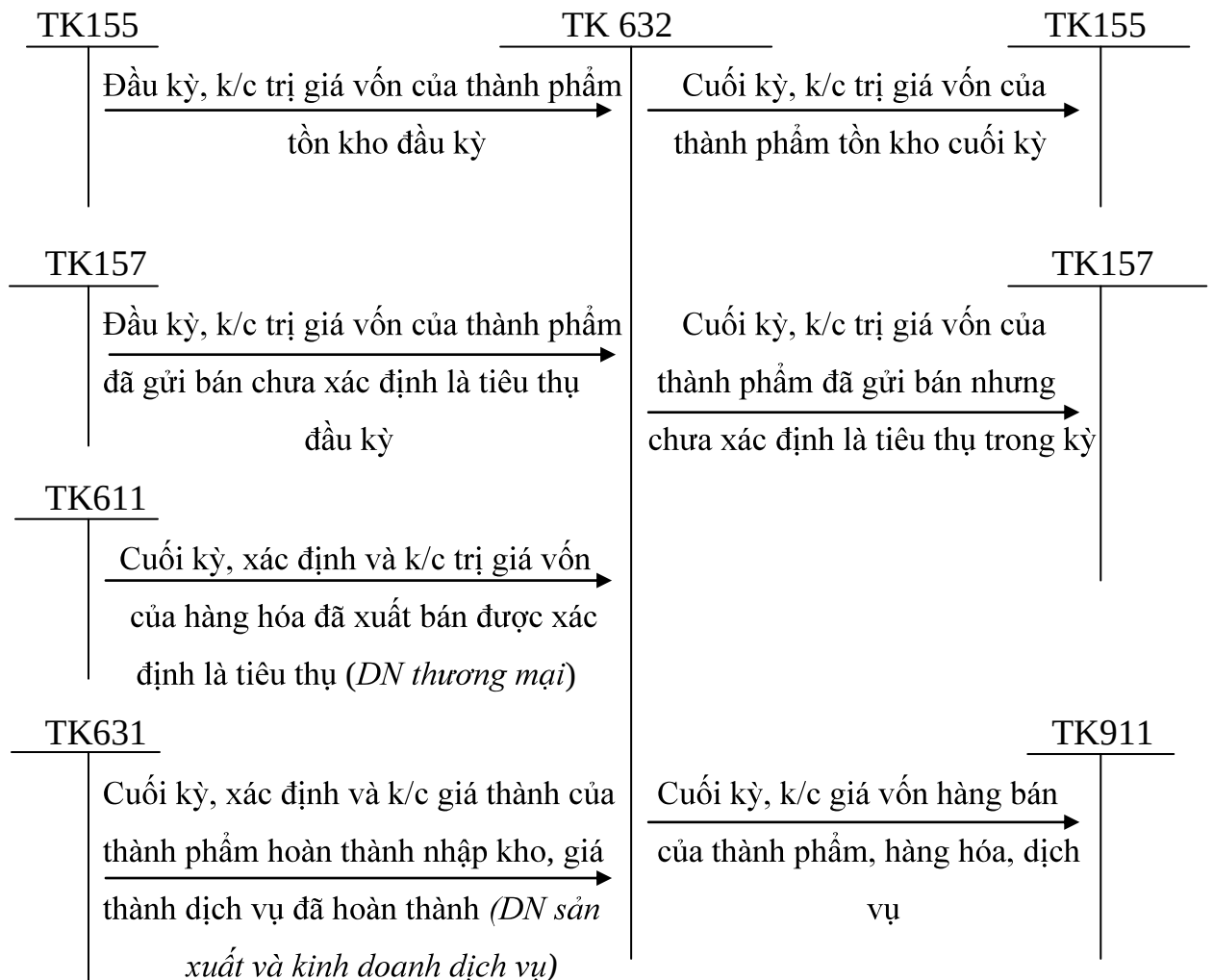
1.2.2.4 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Giấy đề nghị thu nợ, phiếu hạch toán giao dịch khách hàng.
- ✓ Bảng sao kê tài khoản khách hàng
- ✓ Bảng kê tiền vay và trả nợ vay.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng; lãi tỷ giá hối đoái;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.**

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

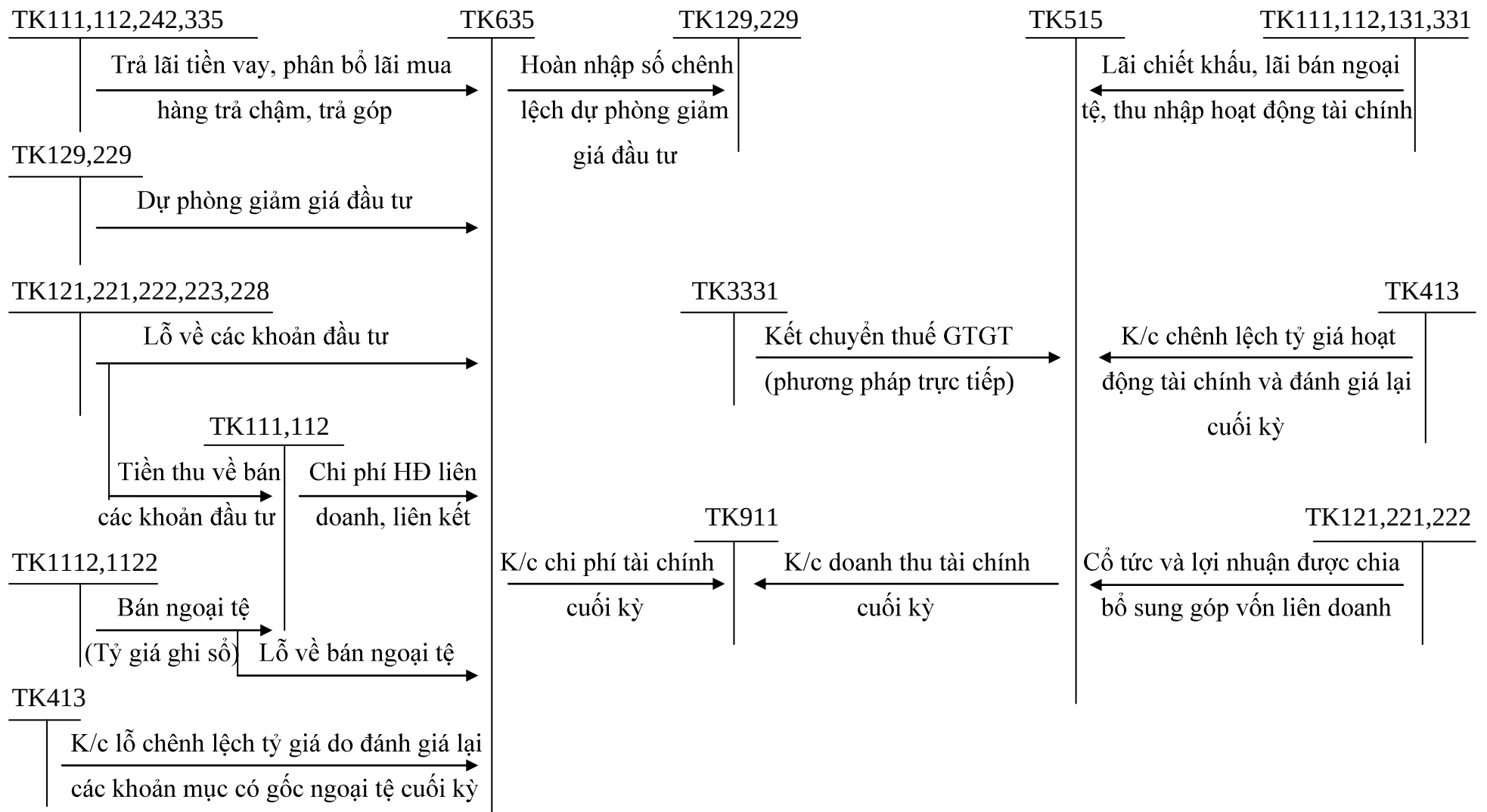
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.



1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ.
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK6411: Chi phí nhân viên
- TK6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6415: Chi phí bảo hành
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418: Chi phí bằng tiền khác

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

- TK6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK6426: Chi phí dự phòng
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428: Chi phí bằng tiền khác

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

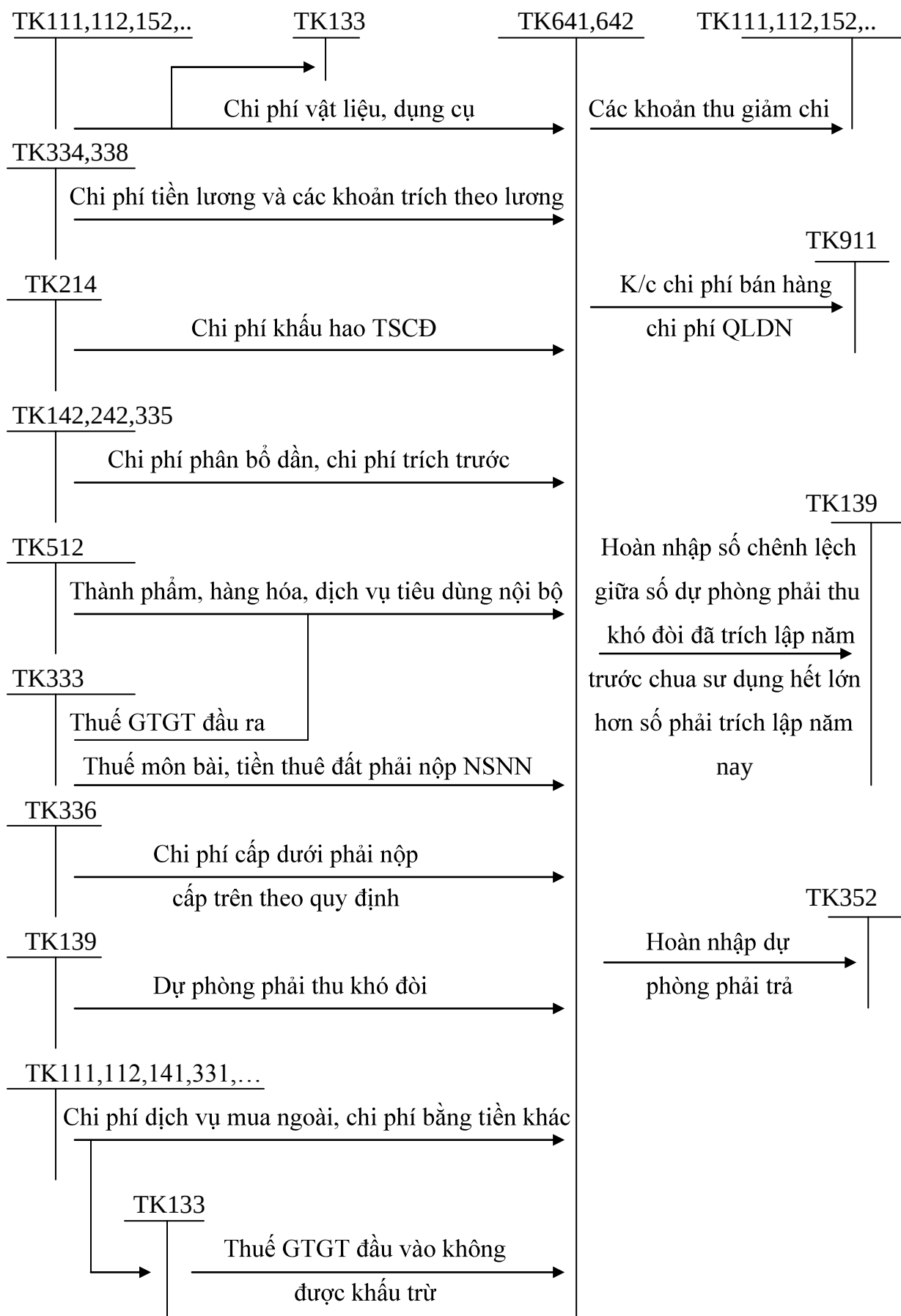
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.



1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Biên bản đánh giá lại tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các tài khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

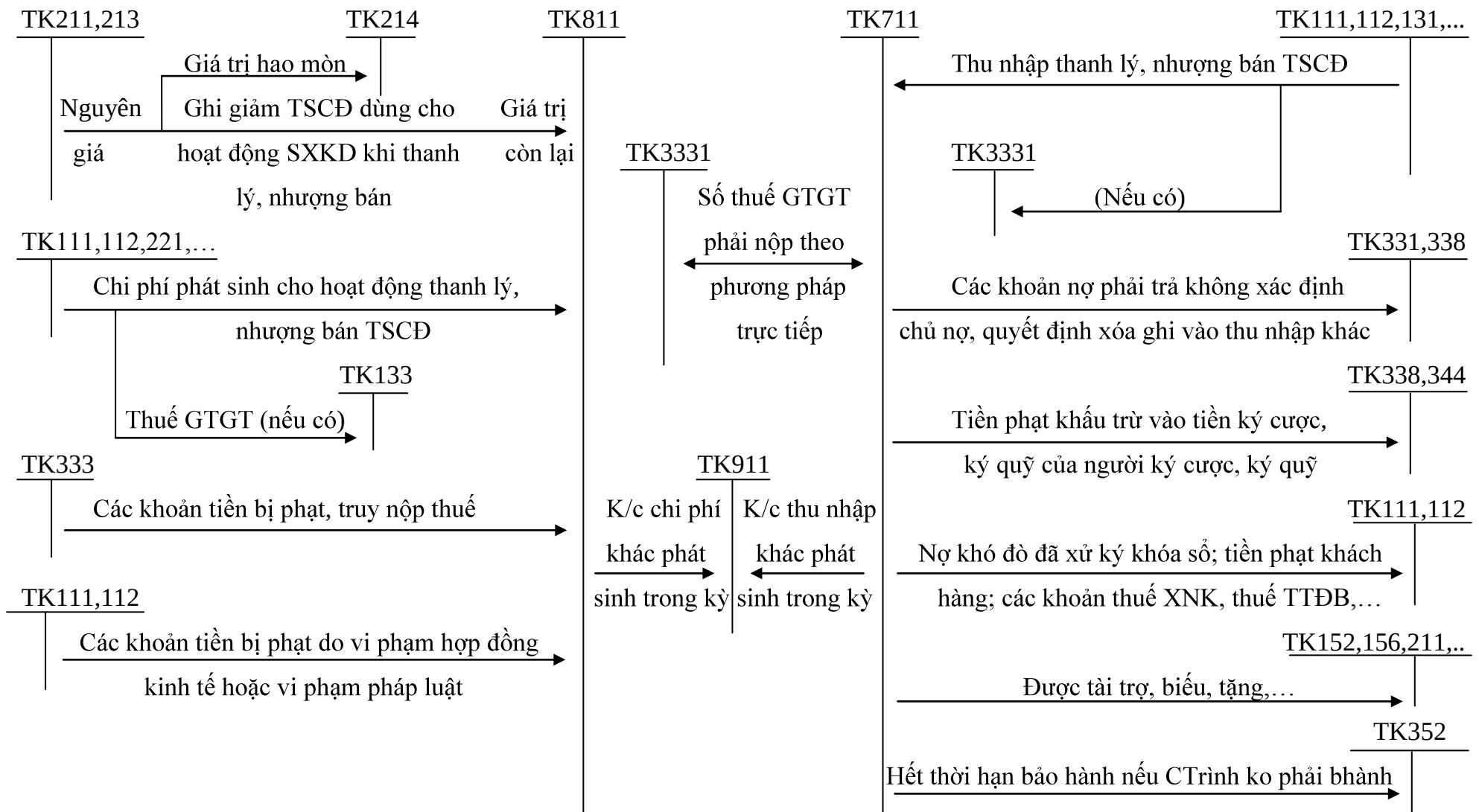
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán.
- ✓ Quyết định xử lý lỗ các năm trước.
- ✓ Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
- ✓ Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận,...
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;

- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm;
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên Nợ Tài khoản 911.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

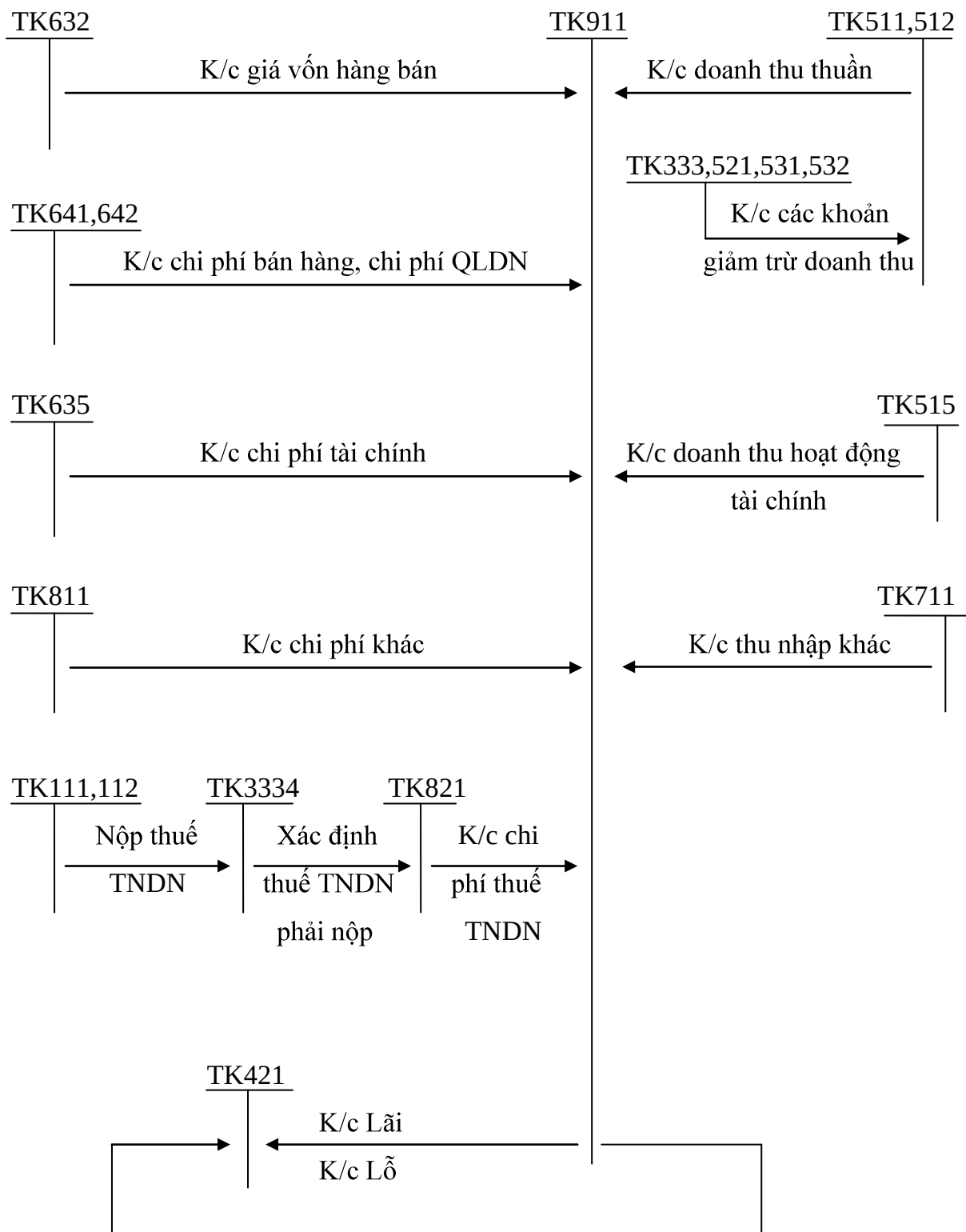
- *Số dư bên Nợ:* Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- *Số dư bên Có:* Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.



1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KQKD TRONG DN.

Để ghi chép, hệ thống hóa các thông tin kế toán doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

Hiện nay, các hình thức kế toán các doanh nghiệp áp dụng bao gồm: Hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức Nhật ký - Sổ cái, hình thức Chứng từ ghi sổ, hình thức KT Nhật ký – Chứng từ, hình thức KT trên máy vi tính.

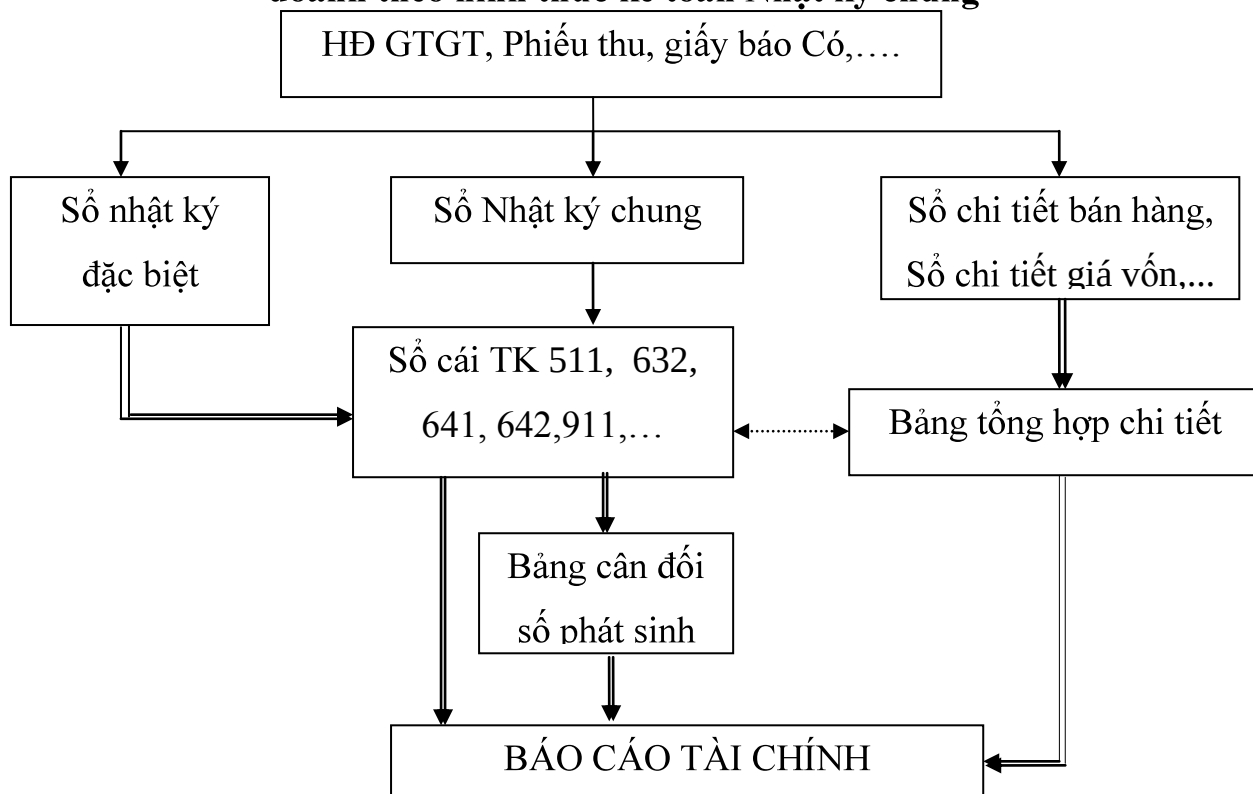
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

- **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các tài khoản vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

- **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho phân công công việc.

- **Nhược điểm:** Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi vào cuối tháng ==>
Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

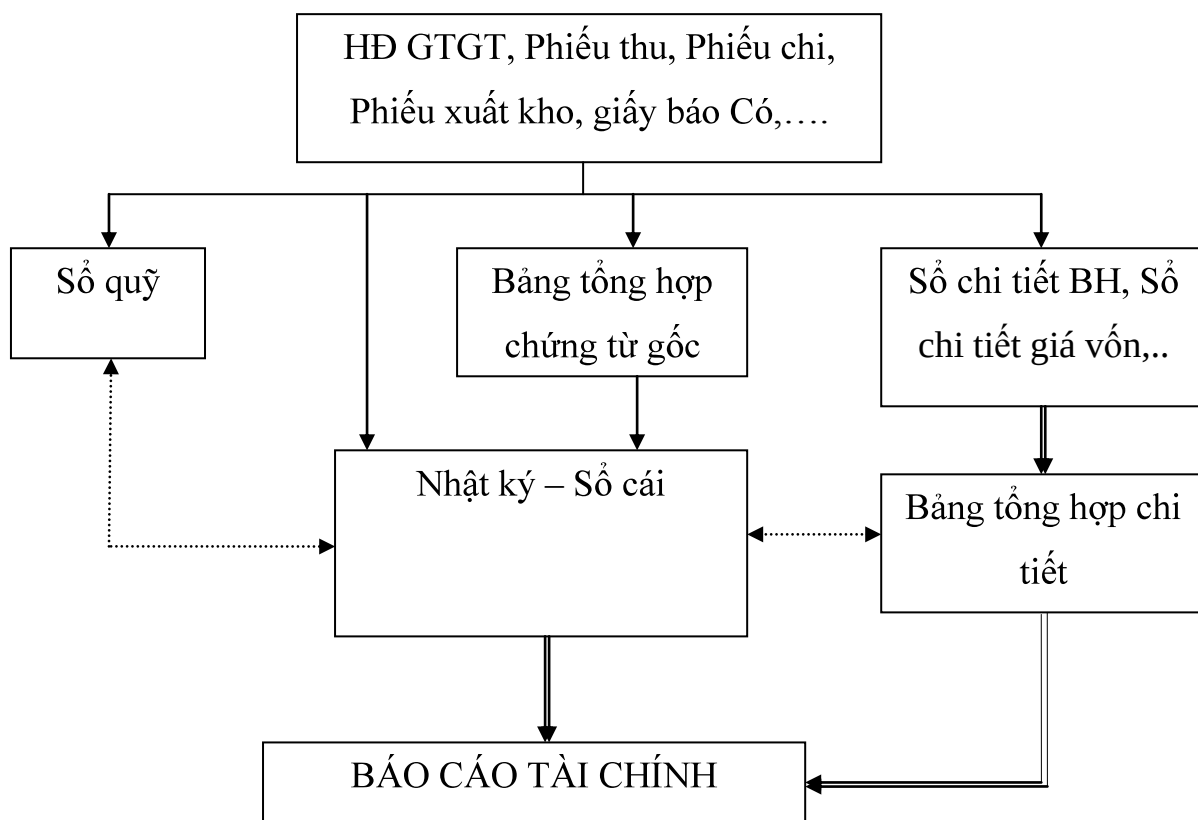
▪ **Đặc điểm:** Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

▪ **Ưu điểm:** Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.

▪ **Nhược điểm:** Khó phân công công việc.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái được khái quát qua sơ đồ 1.9.

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi vào cuối tháng ==>
Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

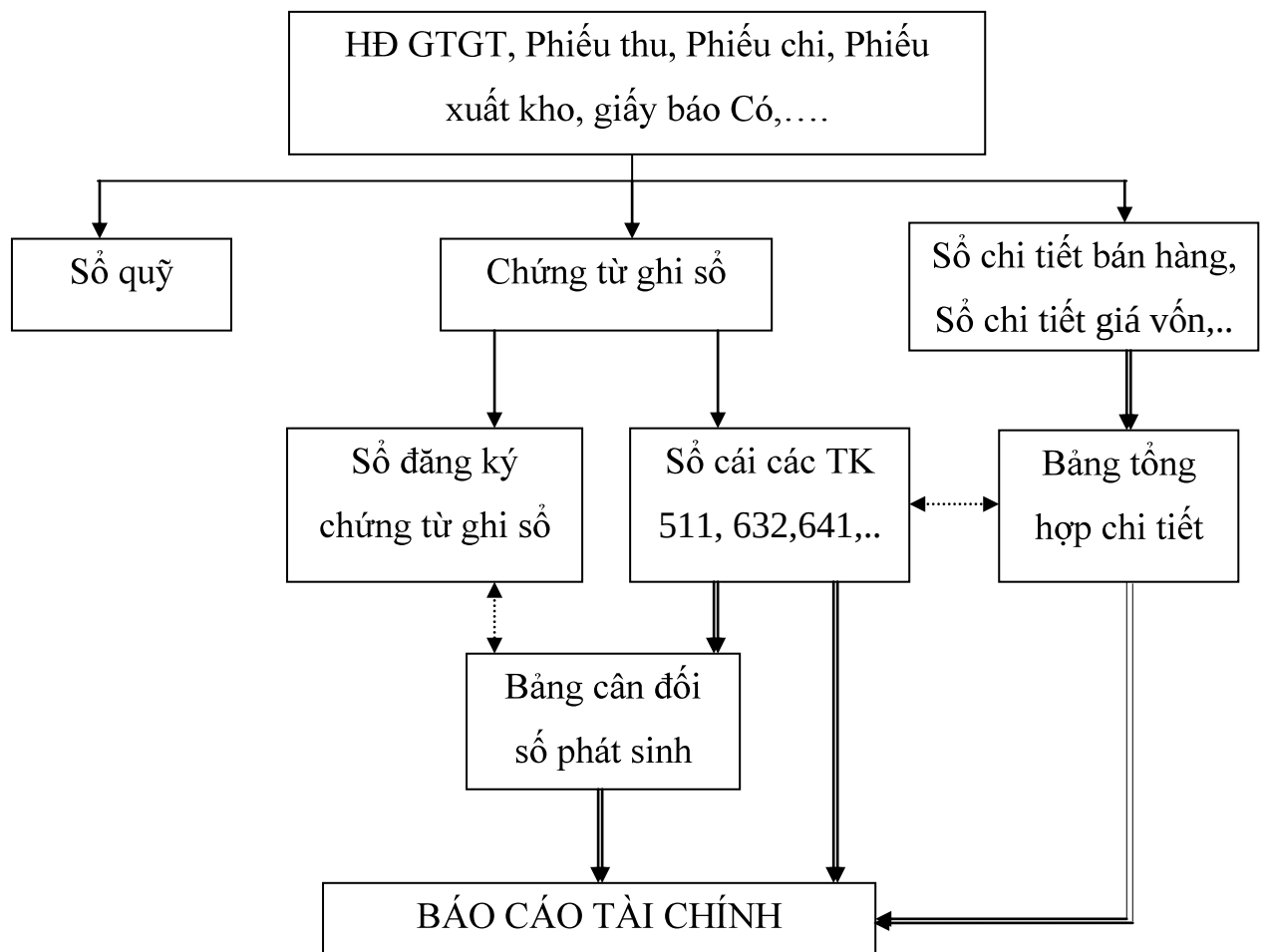
▪ **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại, tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

▪ **Ưu điểm:** Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

▪ **Nhược điểm:** Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được khái quát qua sơ đồ 1.10.

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi vào cuối tháng ==>

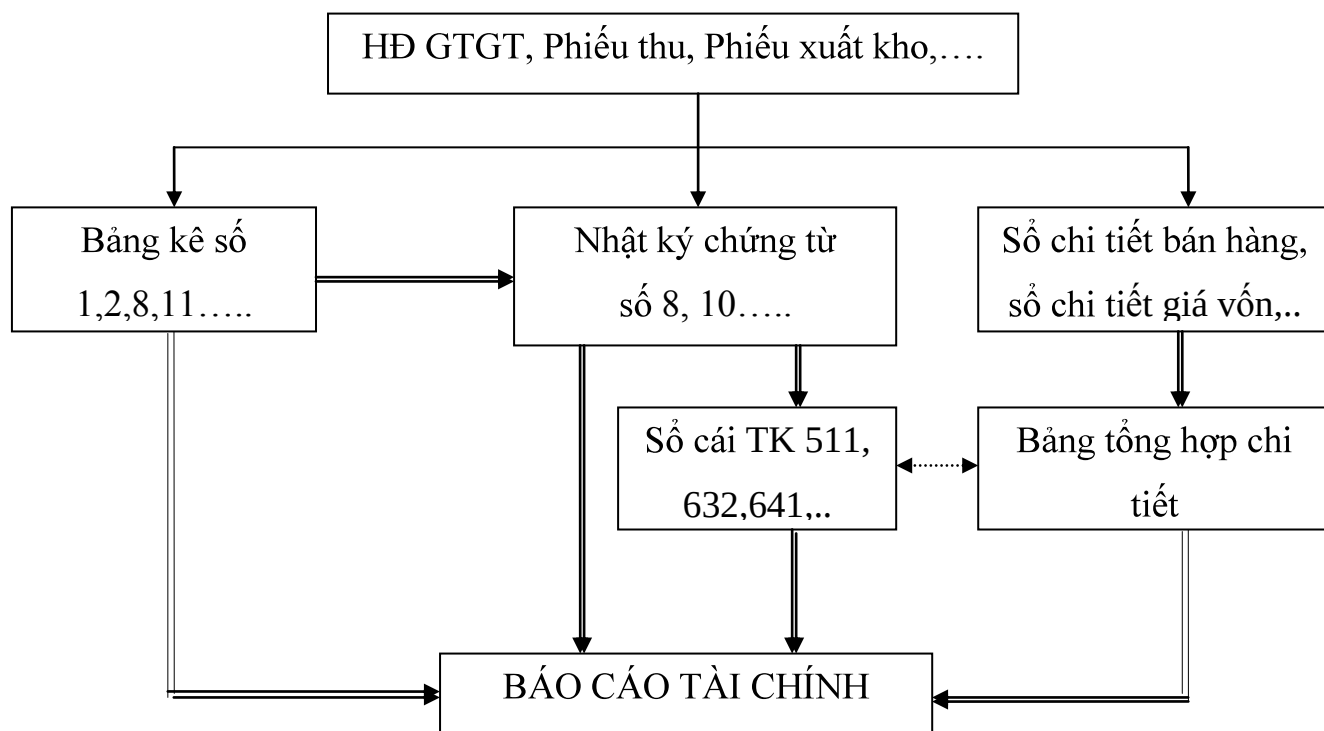
Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

- **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký chứng từ. Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.
- **Ưu điểm:** Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.
- **Nhược điểm:** Mẫu sổ phức tạp, đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ được khái quát qua sơ đồ 1.11.

Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ



Ghi chú:

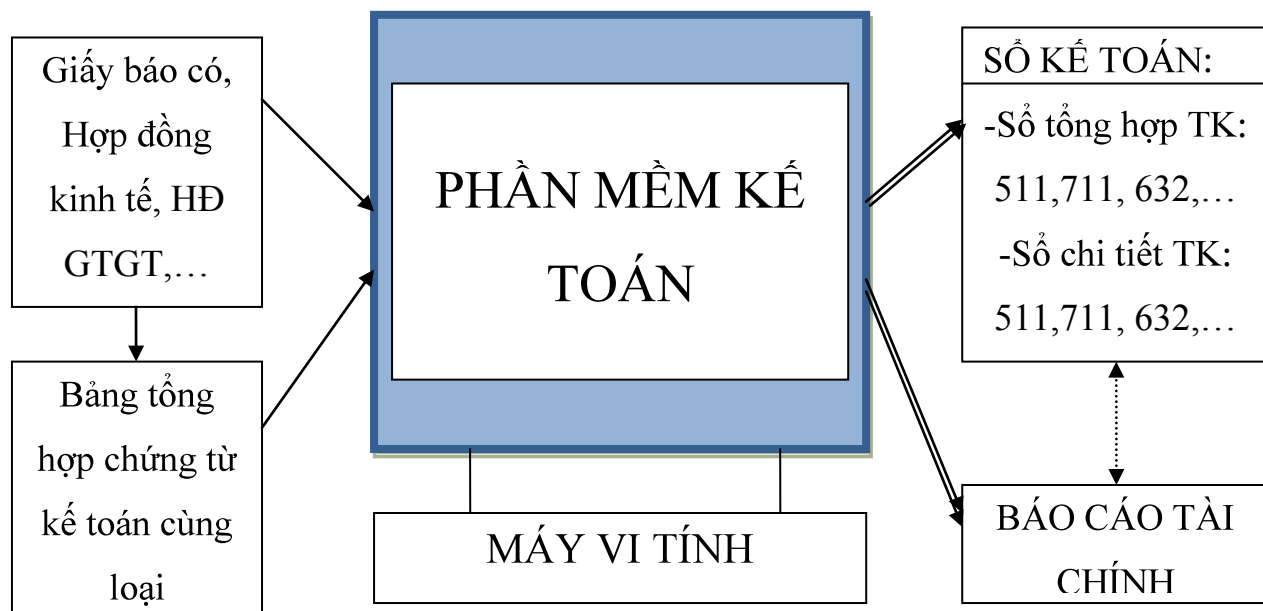
- Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
- Ghi vào cuối tháng $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và các Báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính được khái quát qua sơ đồ 1.12.

Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇔ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ⋯⇔ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần thương mại Minh khai.

- Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Thương Mại Minh Khai
- Tên viết tắt : Minh Khai J.S.C
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 23 Minh Khai – Hồng Bàng –Hải Phòng
- Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc : Nguyễn Bích Hòa
- Số điện thoại : 031.3842346/3822802 Fax : 031.3842438
- Mã số thuế : 0200585677
- Số tài khoản: 102010000201669 tại ngân hàng Công thương Hải Phòng
32110000141254 tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển HP
160314851005299 tại Ngân hàng Eximbank
- Email : mktraco@hn.vnn.vn
- Website : www.minhkhaitraco.com

Công ty cổ phần thương mại Minh Khai tiền thân là Bách hoá tổng hợp Minh Khai được thành lập vào năm 1977 theo quyết định số 350/QĐ- UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đúng nhân dịp kỉ niệm 32 năm ngày quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trải qua hơn 30 năm hoạt động, công ty đã có một số lần thay đổi về tổ chức với những tên gọi: Bách hoá tổng hợp Minh Khai, Công ty thương nghiệp tổng hợp Minh Khai, công ty Thương Mại Minh Khai. Đến ngày 4/3/2004 theo quyết định số 561/QĐ-VB của UBND thành phố Hải Phòng, Bách hoá tổng hợp Minh Khai đã được chính thức đổi tên thành công ty cổ phần thương mại Minh Khai với vốn điều lệ 22.726.000.000 đ vốn điều lệ. Qua các thời kỳ hoạt

động với không ít những khó khăn và thách thức nhưng Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai luôn là một doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Trong thời gian đầu khi nước ta mới bước vào nền kinh tế thị trường, không ít những doanh nghiệp đã thất bại nhưng Bách hoá tổng hợp Minh Khai mà giờ đây là công ty Cổ phần thương mại Minh Khai vẫn đứng vững và ngày càng khẳng định vị thế của mình. Từ ngày bước vào quá trình cổ phần hoá, công ty làm ăn có hiệu quả càng cao hơn và đã đạt được một số những thành tựu nhất định, liên tục nhận được những bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Hải Phòng cũng như Nhà nước trao tặng :

- Năm 2007 Nhà nước tặng huân chương lao động hạng Nhì.
- Năm 2008 được bình chọn là 1 trong 10 DN tiêu biểu thành phố Hải Phòng.

➔ ***Công ty hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực Thương mại và dịch vụ với các ngành nghề kinh doanh sau:***

- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy, điện tử, thực phẩm công nghệ, các mặt hàng công cụ sản xuất nhỏ, các dịch vụ gia công chế biến vật tư, nguyên liệu, thiết bị nội thất, hàng nông sản thực phẩm tươi sống, cà phê hạt, gỗ xây dựng, hóa chất thông thường, hàng tiêu dùng, xăng dầu, gas hóa lỏng, nước giải khát, rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước...

- Kinh doanh chế biến lương thực, kinh doanh và cho thuê phương tiện vận tải, kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ tắm hơi, vật lí trị liệu, cho thuê kho ...

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may công nghiệp
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, kinh doanh, chế biến lâm - thủy - hải sản
- Dịch vụ quảng cáo...

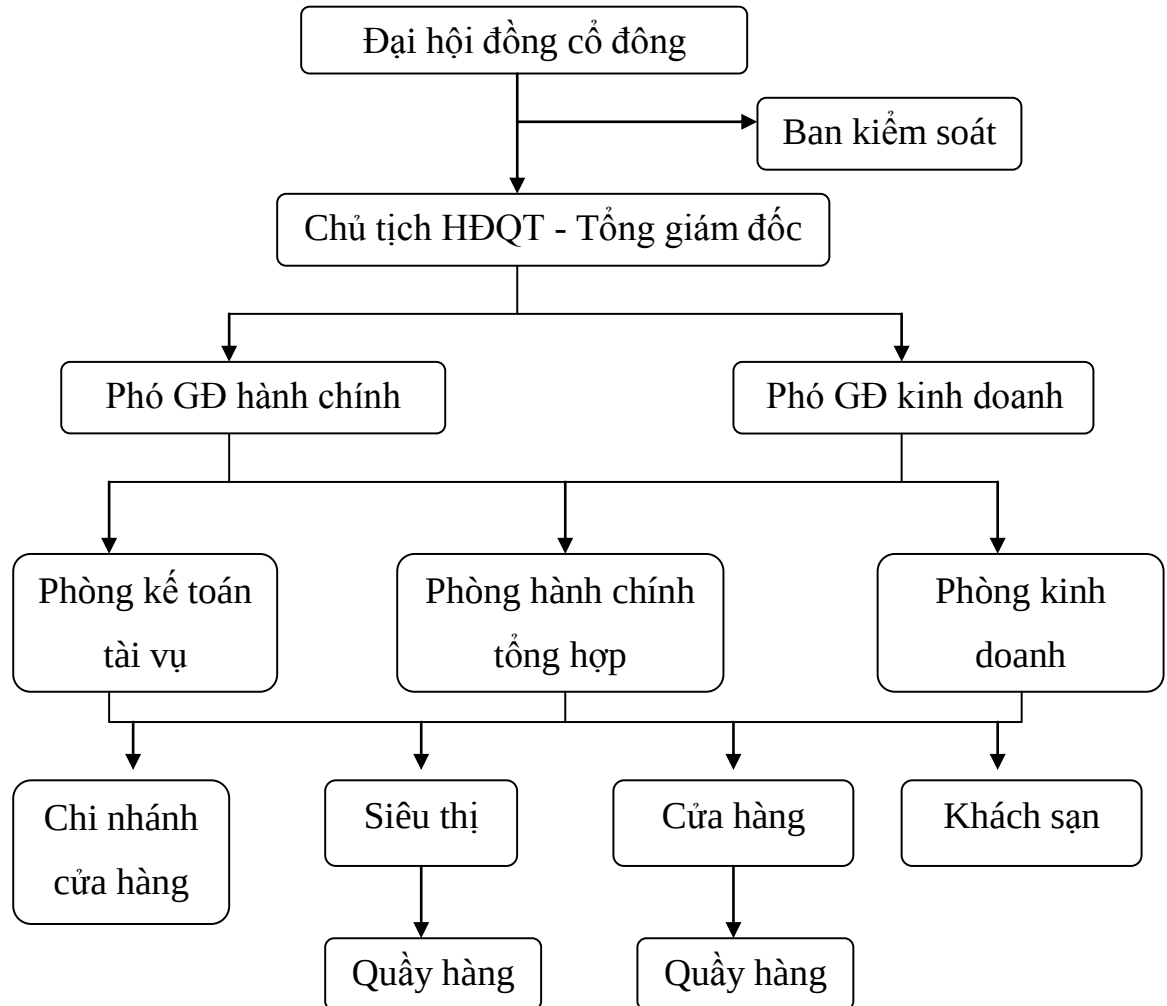
➔ ***Cơ sở vật chất của Công ty hiện nay bao gồm:***

- Toà nhà trụ sở chính của công ty số 23 – Minh Khai
- Tòa nhà Trung tâm thương mại Tiên Lãng
- Tổng kho An Hồng
- Các máy móc thiết bị phục vụ cho bán hàng và quản lý doanh nghiệp: máy vi tính, máy in, máy photocopy, điều hoà nhiệt độ...

- Các tài sản khác phục vụ cho hoạt động của công ty...

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



- ➔ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban:

Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc:

Có nhiệm vụ là người nắm quyền hành cao nhất trong công ty, ra quyết định tổ chức, chỉ đạo công tác kinh doanh.

Hai phó giám đốc:

Có chức năng nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về phần việc được phân công phụ trách và giúp giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh.

Phòng kế toán tài vụ:

Chịu trách nhiệm giúp và tham mưu cho giám đốc mọi mặt kế quả kinh doanh của công ty. Theo dõi khả năng tài chính bảo toàn vốn của doanh nghiệp, theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí, tính toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước. Tổ chức hệ thống kế toán và phương pháp hạch toán theo chế độ quy định.

Phòng kinh doanh:

Có nhiệm vụ lập kế hoạch, mua hàng, nhận đại lý kế hoạch cung cấp cho các cửa hàng trực thuộc, theo dõi sự biến động của giá cả, thông báo kết quả tình hình và tiến độ kế hoạch, nghiên cứu nhu cầu thị trường, xác lập hình thức tổ chức kinh doanh và danh mục mặt hàng, xác lập cơ cấu vĩ mô mặt hàng và dự báo yêu cầu mua dự trữ.

Phòng tổ chức hành chính:

Quản lý nhân sự, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và chế độ BHXH cho cán bộ công nhân viên, bảo vệ toàn bộ vật tư, tài sản, hàng hoá của doanh nghiệp.

Cửa hàng trực thuộc là hệ thống siêu thị và các cửa hàng chi nhánh:

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh trung tâm huyện Tiên Lãng
- Cửa hàng, siêu thị Minh Khai
- Cửa hàng Trần Quang Khải

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán tài vụ có chức năng giúp cho giám đốc công ty quản lý và quyết toán tài chính, quyết toán đầu tư các dự án hoàn thành của công ty theo đúng chính sách chế độ nhà nước. Chức năng này được thể hiện qua các công việc tại phòng ban, bao gồm:

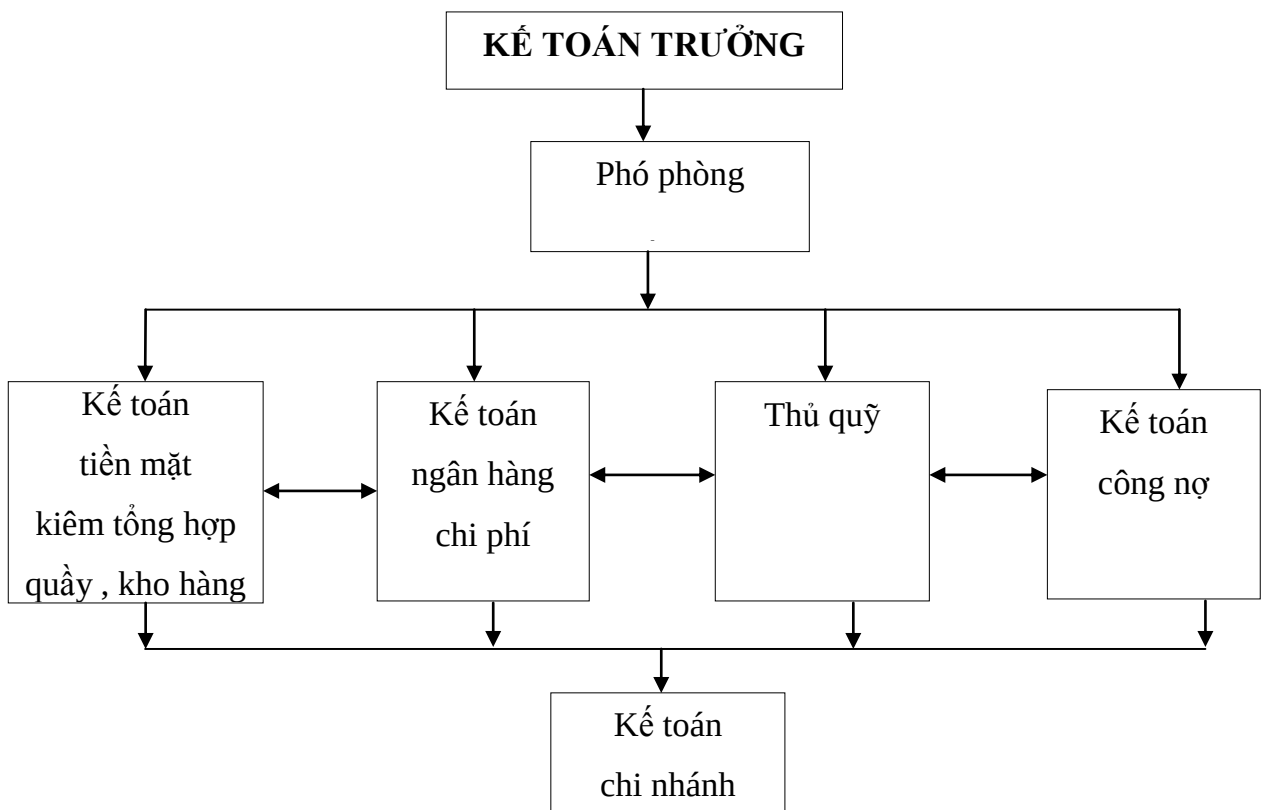
- Quản lý các khoản thu chi theo đúng chính sách chế độ Nhà nước
- Đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư các dự án
- Theo dõi, ghi chép và quản lý các tài sản, vật tư, hàng hóa và tiền vốn

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định
- Tổ chức hạch toán kế toán công tác kinh doanh theo đúng chính sách và các chuẩn mực kế toán
- Cung cấp các thông tin, báo cáo quản trị, tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty
- Lập báo cáo tài chính về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

➡ Công ty cổ phần thương mại Minh Khai là một đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh trên địa bàn rộng, song mọi hoạt động của công ty đều sự điều hành của ban giám đốc nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Bộ máy kế toán của công ty tổ chức tại phòng kế toán tài vụ gồm 6 nhân viên, do kế toán trưởng là trưởng phòng, được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty



▪ **Kế toán trưởng:** Là người trực tiếp quản lý và chỉ đạo chung mọi mặt của công tác Tài chính-Kế toán cho toàn công ty. Giám sát hoạt động của công tác kế toán, kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo tài chính,...

- **Kế toán phó:** là người trực tiếp nhận các báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, báo cáo công nợ, báo cáo về tình hình kinh doanh của các chi nhánh để lên báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo thuế cho toàn công ty.
- **Kế toán vốn bằng tiền kiêm tổng hợp quỹ và kho hàng:** có nhiệm vụ phản ánh kịp thời, chính xác số hiện có và tình hình biến động của quỹ tiền mặt. Kiểm kê hàng hóa, nhập, xuất, tồn cuối tháng lên bảng cân đối hàng tồn kho. Kiểm kê quỹ hàng cùng mẫu dịch viên để lên báo cáo quỹ quỹ.
- **Kế toán ngân hàng và chi phí:** theo dõi các khoản phải thu, phải trả cho khách hàng qua ngân hàng, đồng thời phải tính toán các khoản chi phí bỏ ra, chi phí quản lý và chi phí tiêu thụ.
- **Thủ quỹ:** có chức năng chính là nhận tiền và xuất tiền theo phiếu thu và phiếu chi.
- **Kế toán công nợ:** là người giúp kế toán trưởng tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về:
 - *Kế toán công nợ bán:* Có nhiệm vụ thu thập các chứng từ có liên quan tới tiêu thụ để vào thẻ quỹ, sổ chi tiết công nợ, xác định doanh thu tiêu thụ.
 - *Kế toán công nợ mua:* căn cứ trị giá hàng mua vào trong kỳ để vào sổ chi tiết công nợ mua.
- **Kế toán chi nhánh:** hàng tháng gửi bản cân đối kế toán, báo cáo tài chính về công ty để lên bảng tổng hợp và cân đối toàn công ty.

2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.

- Tại Công ty CP TM Minh Khai, niên độ kế toán áp dụng là năm dương lịch, kỳ kế toán là theo quý.
- Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi tình hình nhập xuất tồn của hàng hoá.
- Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Giá hàng xuất kho và tồn kho tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ phù hợp với các quy định của thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính.

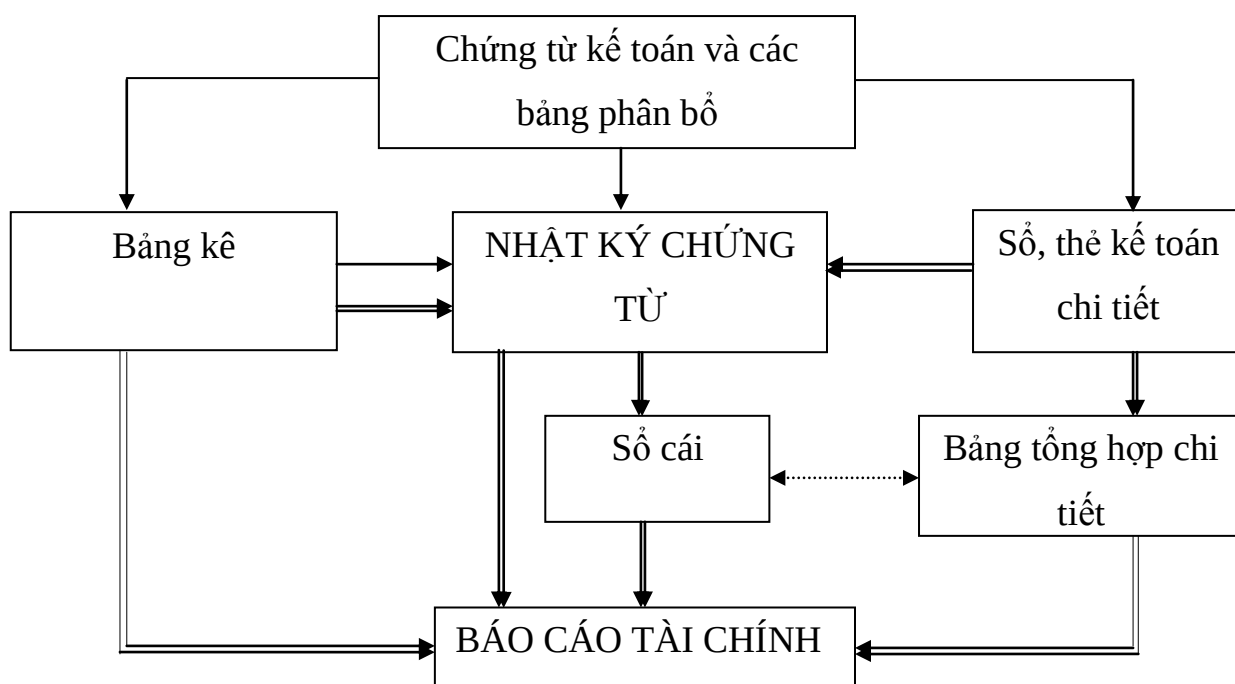
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh của Công ty, kế toán tại đây áp dụng hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Trong đó:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ kế toán:

1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của các bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký – chứng từ có liên quan.

Đối với các nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – chứng từ.

2) Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ, kiểm tra, đối chiếu các số liệu trên các nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.1.3.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03- DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09- DN).

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai là doanh nghiệp hoạt động với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là thương mại và dịch vụ. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm: doanh thu bán các loại hàng hóa như hàng công nghệ phẩm, hàng tiêu dùng, hàng điện máy, điện tử, thiết bị nội thất, hóa chất, cao su,...; doanh thu kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ tắm hơi, vật lý trị liệu,....

Phương thức bán hàng của Công ty là phương thức bán hàng trực tiếp.

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 02 - BH)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (được lập làm 3 liên gồm có: liên màu tím sử dụng để lưu lại cuống, liên màu đỏ giao cho khách hàng và liên màu xanh để kẹp vào bộ chứng từ gốc).
- Báo cáo bán hàng (Mẫu số 3/B)
- Báo cáo chi tiết hàng ủy thác nhập, giao bán thẳng, nhận hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

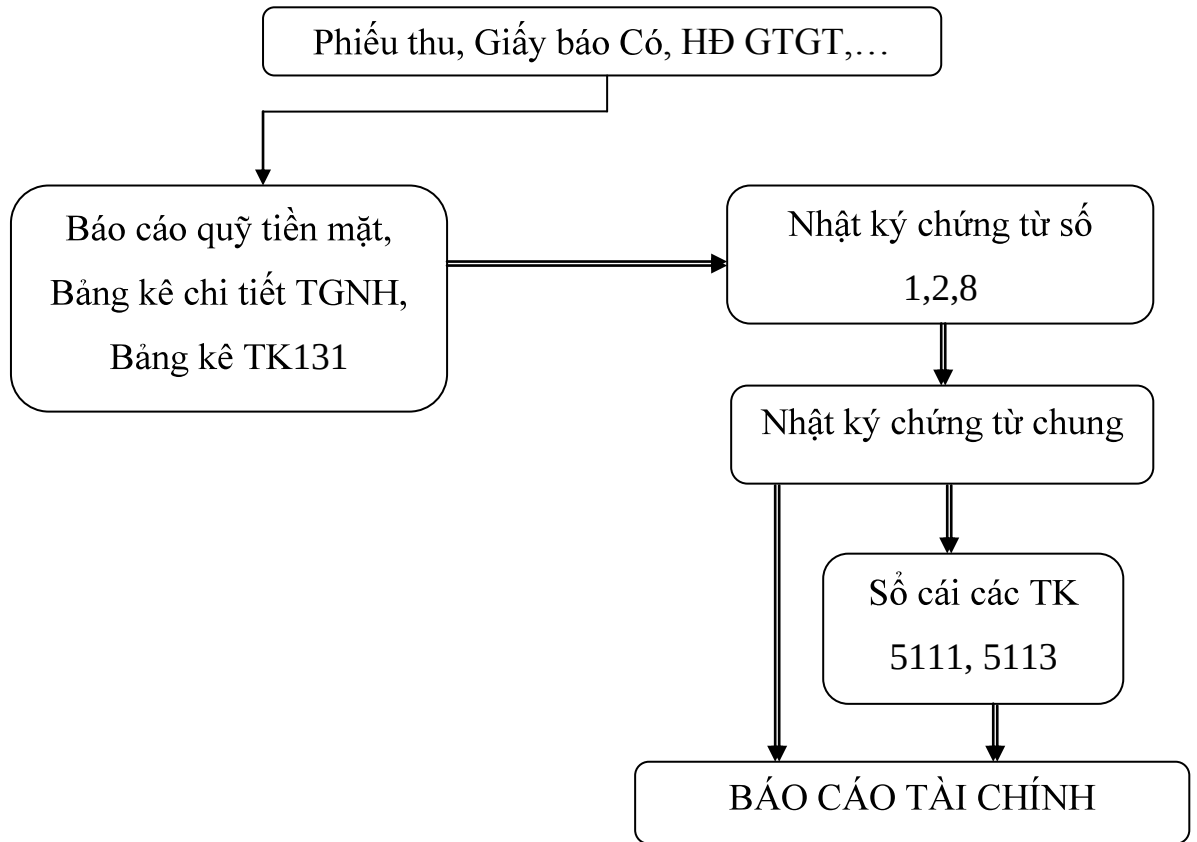
Tài khoản này được theo dõi cụ thể cho từng đối tượng kinh doanh, cụ thể:

- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

2.2.1.3 Quy trình hạch toán

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP TM Minh Khai



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi định kỳ ==>

Hàng ngày căn cứ trên các Phiếu thu, giấy báo Có,...kế toán vào Báo cáo quỹ tiền mặt, bảng kê chi tiết TGNH hoặc bảng kê chi tiết phải thu khách hàng.

Căn cứ trên các sổ sách có liên quan đến doanh thu nói trên, kế toán tiến hành ghi vào NKCT số 1 hoặc 2 hoặc số 8.

Cuối tháng, dựa trên các số liệu đã được tổng hợp từ các NKCT có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào NKCT chung (là nhật ký theo dõi cho các TK 5111,5121,5113-DV và TK 515). Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ chung để vào sổ cái TK 511.

Cuối kỳ hạch toán,dựa trên Nhật ký chứng từ chung hoặc Sổ cái đã hạch toán để từ đó lên các báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

VD1: Ngày 10/11/2012, mẫu dịch viên quầy số 1- Lê Hương nộp tiền bán hàng từ ngày 1/11/2012-10/11/2012 cho thủ quỹ Công ty.

- Căn cứ vào Sổ quầy hàng (là sổ bao gồm các thẻ quầy hàng, mỗi mặt hàng sẽ có tương ứng 1 thẻ quầy hàng. Dưới đây là biểu mẫu của 1 thẻ quầy hàng - Biểu 2.1) mẫu dịch viên vào Báo cáo bán hàng hàng ngày (Biểu 2.2)

Ngoài các chứng từ Sổ quầy hàng, Báo cáo bán hàng hàng ngày mà mẫu dịch viên đã chuyển cho kế toán kể trên, trường khu vực bán hàng còn có trách nhiệm nộp các hóa đơn bán hàng (Nếu có) cho kế toán. Đối với các mặt hàng đã bán trong tháng nhưng không có Hóa đơn bán hàng (do khách hàng không yêu cầu) thì khi mẫu dịch viên nộp tiền cho công ty, kế toán sẽ căn cứ vào trị giá số lượng hàng đã bán nhưng không có hóa đơn để lập 1 HĐ GTGT kê tổng số tiền thanh toán cho các mặt hàng đã bán cho những khách hàng không lấy hóa đơn (Hóa đơn này cũng được lập làm 3 liên, trong đó liên 1, 2 giữ lại cuống, liên 3 kẹp vào bộ chứng từ liên quan đến thuế GTGT)(biểu 2.3- trường hợp này do trong sổ hàng bán từ ngày 1/11/2012-10/11/2012 không có khách hàng nào yêu cầu hóa đơn GTGT).

- Khi mẫu dịch viên nộp tiền, kế toán có trách nhiệm lập phiếu thu (Biểu 2.4), sau đó vào báo cáo quỹ tiền mặt (biểu 2.5).
- Dựa trên báo cáo quỹ tiền mặt nói trên, kế toán tiến hành ghi vào Nhật ký chứng từ số 1 (Biểu 2.6).
- Cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ số 1 để vào Nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.7), rồi tiến hành vào sổ cái TK 511 (Biểu 2.8).
- Cuối kỳ hạch toán, dựa trên sổ cái đã hạch toán, rồi từ đó lên các báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.1 – Thẻ quầy hàng

Cty:CPTM Minh Khai.

Cửa hàng: Quầy tổng hợp

Số đăng ký:

Ngày đăng ký:

THẺ QUẦY

HÀNG

Tên hàng: Voka 300 ml.

Ký mã hiệu: 29°5

Đơn vị tính: Chai.

Giá đơn vị: 25,545 – 31,000

Nhóm: Hà Nội.

Giá lẻ điều chỉnh:

Ngày điều chỉnh:

Ngày tháng	Nhập của kho	Nhập khác	Tổng cộng nhập	Tồn cuối ngày	Xuất bán		Xuất khác
					Lượng	Tiền	
1/11				36			
10/11				31	5		
20/11	120		151				
25/11				127	24		
30/11				83	19		25-XHC

Người lập

(ký, họ và tên)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.2 – Báo cáo bán hàng hàng ngày

Công ty: CPTM Minh Khai.

BÁO CÁO

Mẫu số 3/B

Cửa hàng:

BÁN HÀNG HÀNG NGÀY

QĐ liên bộ TCTK/N số

Tổ quầy: Quầy Tổng Hợp

621/LB ngày 5-9-70.

Từ ngày 1/11/2012-10/11/2012

I – HÀNG HÓA.

ST T	TÊN HÀNG HÓA VÀ QUY CÁCH PHẨM CHẤT	Đơn vị tính	SL	THEO GIÁ BÁN LẺ NƠI BÁN		THEO GIÁ CUNG CẤP	
				Giá đơn vị	TT	Giá đơn vị	TT
1	Voka 0,3 lít 29 ^o 5	Chai	5	31,000	155,000		
2	Voka 0,75 39 ^o 5	Chai	4	67,000	268,000		
3	Lúa mới 0,6 có hộp	Chai	5	50,000	250,000		
4	R Hà Nội 1 lít 29 ^o 5	Chai	5	40,000	200,000		
5	R Hà Nội pét 29 ^o 5	Chai	5	25,000	125,000		
6	R Hà Nội 2 lít 35 ^o	Can	7	80,000	560,000		
7	R Hà Nội 4 lít 35 ^o	Can	11	146,000	1,606,000		
8	R Hà Nội 4 lít 39 ^o 5	Can	1	150,000	150,000		
9	R Hà Nội 4 lít 39 ^o 5	Can	5	175,000	875,000		
10	Nếp Mới 2l 29 ^o 5	Can	9	70,000	630,000		
11	R Anh Đào 0,75	Chai	8	37,000	296,000		
12	R Hà Nội 2 lít 295	Can	7	71,000	497,000		
13	Nếp Mới 4l 295	Can	6	121,000	726,000		
14	Nếp Mới 0,5	Chai	10	26,000	260,000		
15	Nếp Mới 0,6 ko hộp	Chai	11	44,000	484,000		
							
	CỘNG				42,207,700		

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.3 – Hóa đơn GTGT số 4337

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3-3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P														
Liên 3: Nội bộ		Số HĐ: 0004337														
Ngày 10/11/2012																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.																
MST:	<table><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>9</td><td>6</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	0	2	0	0	5	8	9	6	7	7					
0	2	0	0	5	8	9	6	7	7							
Địa chỉ: Số 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.																
ĐT: 031.3842346		Fax: 031.3842438														
Họ tên người mua hàng:																
Đơn vị: kê khai hàng bán từ ngày																
Địa chỉ: 1/11/2012-10/11/2012 quầy Tổng Hợp (bán lẻ).																
Hình thức thanh toán: TM		MST:														
STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Bánh, kẹo, rượu				38,370,636											
	bán từ ngày 1/11/12 -															
	10/11/12															
Cộng tiền hàng:					38,370,636											
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		3,837,064											
Tổng cộng tiền thanh toán:					42,207,700											
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi hai triệu hai trăm linh bảy ngàn bảy trăm đồng./																
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng ĐV												
(ký, họ tên)		(ký, họ tên)		(ký, họ tên)												

Biểu số 2.4 – Phiếu thu

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI Địa chỉ: Số 23 - Minh khai	PHIẾU THU Số 08/11 Ngày 10 tháng 11 năm 2012 Nợ 1111 Có 511,3331	Mẫu số 01 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)
Họ và tên người nộp tiền: Đỗ Thị Lê Hương Địa chỉ: Quầy số 1 Lí do: Thu tiền bán hàng. Số tiền: 42,207,700 đ (Viết bằng chữ) Bốn mươi hai triệu hai trăm linh bảy ngàn bảy trăm đồng./.		
Ngày 10 tháng 11 năm 2012		
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)
		Người lập phiếu (Ký, họ tên)
		Thủ quỹ (Ký, họ tên)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

BÁO CÁO QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 6/11-10/11/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	PHẦN THU: GHI NỢ TK 1111 GHI CÓ CÁC TK KHÁC					
Số	Ngày			136	3382	141	5111	3331	
7	6	Nộp trả tiền vay	362,856,800	362,856,800					
8	10	Thu tiền bán hàng	42,207,700				38,370,636	3,837,064	
9	10	Thu tiền bán hàng	126,588,800				115,080,724	11,508,072	
		Cộng thu	531,653,300	362,856,800			153,451,360	15,345,136	
Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	PHẦN CHI: GHI CÓ 1111, GHI NỢ CÁC TK KHÁC					
Số	Ngày			641	331	133	642	3388	141
18	8	Tạm ứng chi phí giao gao	10,000,000						10,000,000
19	8	Chi phí quảng cáo	300,000				300,000		
20	9	Chi phí vệ sinh	780,000				780,000		
21	10	Chi trả tiền khách gửi	100,806,800					100,806,800	
...	...							-	-
		Cộng chi	217,463,473	7,244,455	81,468,423	1,661,795	16,282,000	100,806,800	10,000,000

Biểu số 2.5 – Báo cáo quỹ tiền mặt

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Số dư đầu kỳ: 8,636,887,956

Tháng 11 năm 2012

BC quỹ	GHI NỢ TK 1111-GHI CÓ CÁC TK									
	131	136	141	112	3331	3382	5111	344	...	Cộng Nợ
BC1-2		127,550,000	600,000							128,150,000
BC3-5		192,600,000	30,405,000		4,538,727	2,107,000	45,387,273			275,038,000
BC6-10		362,856,800			15,345,136		153,451,360			531,653,300
...										
Cộng	57,171,979	2,106,592,324	95,739,000	410,000,000	390,249,092	2,326,007	4,077,597,368	0	...	7,175,731,289
BC quỹ	GHI CÓ TK 1111-GHI NỢ CÁC TK									
	1121	133	141	1562	642	334	331A	641	...	Cộng Có
BC1-2	200,000,000	1,539,781	30,000,000		6,944,637		17,540,769	10,534,545		266,559,732
BC3-5	1,247,500,000	114,182	12,000,000		1,494,000			5,861,818		1,285,203,772
BC6-10		1,661,795	10,000,000		16,282,000		81,468,423	7,244,455		217,463,473
...										
Cộng	7,168,624,000	18,329,945	363,200,000	5,949,301	89,530,705	216,957,874	181,296,455	210,367,588	...	11,806,843,468

Số dư cuối kỳ: 4,005,775,785

Biểu số 2.6 – Nhật ký chứng từ số 1

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 5111-Dthu bán hàng		TK đối ứng		TK 5121-Dthu nội bộ		TK đối ứng		TK 5113DV		TK đối ứng		TK 515	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư ĐK:		N	C	Dư ĐK:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			Nợ	Có			Nợ	có
1111			4,077,597,368	641			5,057,933					1121			1,816,589
1121			28,530,909		911	5,057,933		911		0		1122			3,063,239
131			20,181,943,155										911	4,879,828	
	911	24,288,071,432													
Cộng:		24,288,071,432	24,288,071,432	Cộng:		5,057,933	5,057,933	Cộng:		0	0			4,879,828	4,879,828

Biểu số 2.7 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK 511, 512, 515)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ)

Tài khoản: 5111-Doanh thu bán hàng hóa

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 911	...		18,514,110,006	24,288,071,432	21,320,634,782	279,816,552,666
Cộng phát sinh Nợ	...		18,514,110,006	24,288,071,432	21,320,634,782	279,816,552,666
Cộng phát sinh Có	...		18,514,110,006	24,288,071,432	21,320,634,782	279,816,552,666
SDCT {	Nợ					
	Có					

Biểu số 2.8 – Sổ cái tài khoản 5111

2.2.2 Kế toán doanh thu tiêu thụ nội bộ

Tại công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, khoản doanh thu nội bộ này thường xuất hiện khi các quầy hàng xuất hành chính(xuất dùng trong công ty) nhằm các mục đích phục vụ tiếp khách, sửa chữa thay thế,....

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng: TK512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

2.2.2.3 Quy trình hạch toán

Khi xuất hiện nghiệp vụ xuất hàng dùng nội bộ , kế toán ghi:

Nợ TK 641,642

Có TK 512: Giá vốn hàng xuất dùng

Có TK 3331: Thuế giá trị gia tăng của hàng xuất dùng.

Ở công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, nếu xuất hiện các nghiệp vụ xuất hành chính trong tháng thì mật dịch viên thường ghi chép vào sổ quầy, sau đó đến cuối tháng mới tổng hợp lại và ghi vào hóa đơn GTGT cho hàng xuất HC trong tháng. Căn cứ vào hóa đơn GTGT (được lập thành 3 liên bao gồm: liên màu tím và liên màu đỏ sử dụng để lưu lại cuống, liên màu xanh sử dụng lưu hành nội bộ), kế toán tiến hành ghi chép vào phần xuất hành chính trong bảng tổng hợp chuyển bán cho quầy có xuất hành chính tương ứng trong tháng. Sau đó, kế toán dựa trên Bảng tổng hợp chuyển bán để vào Nhật ký chứng từ chung, rồi từ đó vào sổ cái TK512. Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc nhật ký chứng từ chung để lên các báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

VD2: Ngày 30/11/2012, quầy tổng hợp xuất hàng hóa để dùng cho nội bộ.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu 2.9), kế toán tiến hành ghi chép vào Bảng tổng hợp chuyển bán (Biểu 2.10). Sau đó, kế toán dựa trên Bảng tổng hợp chuyển bán để vào NKCT chung (Biểu 2.11), rồi từ đó vào sổ cái TK512 (Biểu 2.12). Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung để lên các Báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.9 – Hóa đơn GTGT số 4359

HÓA ĐƠN	Mẫu số:01GTKT3-
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	3LL
Liên 3: Lưu hành nội bộ	Ký hiệu: AA/11P
Ngày 30/11/2012	Số HĐ: 0004359

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.**

MST:

0	2	0	0	5	8	9	6	7	7				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Địa chỉ: **Số 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.**

ĐT: 031.3842346 Fax:031.3842438

Họ tên người mua hàng: **Ngô Thị Linh**

Đơn vị: **Phòng hành chính - Công ty CPTM Minh Khai**

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: **Thanh toán nội bộ** MST:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	VoKa 0,3 lít	Chai	25	25,545	633,625
2	Diêm Thống Nhất	Kiện	03	310,000	930,000
3	Lương khô	Kiện	05	222,727	1,113,635
4	Bánh mì ruốc	Kiện	01	136,365	136,365
5	Chè nhài túi lọc	Kiện	02	376,476	752,933
Cộng tiền hàng:					3,839,285
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		383,929
Tổng cộng tiền thanh toán:					4,223,214

Số tiền viết bằng chữ: **Bốn triệu sáu trăm bốn mươi năm ngàn năm trăm ba mươi năm đồng./.**

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng ĐV
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.10 – Bảng tổng hợp chuyển bán

BẢNG TỔNG HỢP – CHUYỂN BÁN THÁNG 11 NĂM 2012

STT	Tên quầy	Dư đầu	Nhập kho	CL lãi	Thuế GTGT	CL tăng HT	CL XT	Nhập kho gạo	Tổng
1	Tự chọn	117,278,816	41,102,063	9,297,645	5,773,418				56,173,126
2	Tổng hợp	291,970,833	205,560,534	15,192,961	17,140,089				237,893,584
3	Nhôm	145,136,296	789,208,164	12,433,100	81,621,064				883,262,328
4	Gạo Kết	233,797,479	38,225,000	3,274,616	3,926,074				45,425,690
5	Xuân Hòa	111,743,507	75,162,760	6,800,646	4,028,545				85,991,951
...									
	Cộng:	1,310,116,412	4,405,588,235	137,579,807	425,111,436	-	-	87,096,000	5,055,375,478
STT	Tên quầy	Bán ra	Kho Cty	Trả	X#HC	CL hạ HT	Tổng bán ra+X#HC	Giá vốn	Dư cuối
1	Tự chọn	63,507,600			834,719		64,342,319	49,271,256	109,109,623
2	Tổng hợp	190,900,500			4,223,214		195,123,714	162,790,664	334,740,703
3	Nhôm	897,831,700					897,831,700	803,777,536	130,566,924
4	Gạo Kết	43,663,000					43,663,000	36,462,310	235,560,169
5	Xuân Hòa	44,914,000					44,914,000	34,084,809	152,821,458
...									
	Cộng:	4,851,332,240	-	-	5,057,933	-	4,856,390,173	4,293,698,930	1,509,101,807

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 5111-Dthu bán hàng		TK đối ứng		TK 5121-Dthu nội bộ		TK đối ứng		TK 5113DV		TK đối ứng		TK 515	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư ĐK:		N	C	Dư ĐK	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			Nợ	Có			Nợ	có
1111			4,077,597,368	641			5,057,933					1121			1,816,589
1121			28,530,909		911	5,057,933		911		0		1122			3,063,239
131			20,181,943,155										911	4,879,828	
	911	24,288,071,432													
Cộng:		24,288,071,432	24,288,071,432	Cộng:		5,057,933	5,057,933	Cộng:		0	0			4,879,828	4,879,828

Biểu số 2.11 – Nhật ký chứng từ chung

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị:CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ)

Tài khoản: 512-Doanh thu bán hàng nội bộ

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 911	...		2,009,756	5,057,933	4,864,776	112,031,639
Cộng phát sinh Nợ	...		2,009,756	5,057,933	4,864,776	112,031,639
Cộng phát sinh Có	...		2,009,756	5,057,933	4,864,776	112,031,639
SDCT { Nợ Có						

Biểu số 2.12 – Sổ cái tài khoản 512

2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán tại Công ty CP TM Minh Khai là trị giá vốn của Hàng xuất kho đã bán. Trong đó, trị giá vốn của hàng xuất kho đã bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng hóa xuất kho đã bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng hóa đã bán.

Công ty xác định trị giá mua của hàng đã bán theo phương pháp thực tế đích danh. Theo phương pháp này khi xuất kho lô hàng hóa nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó.

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

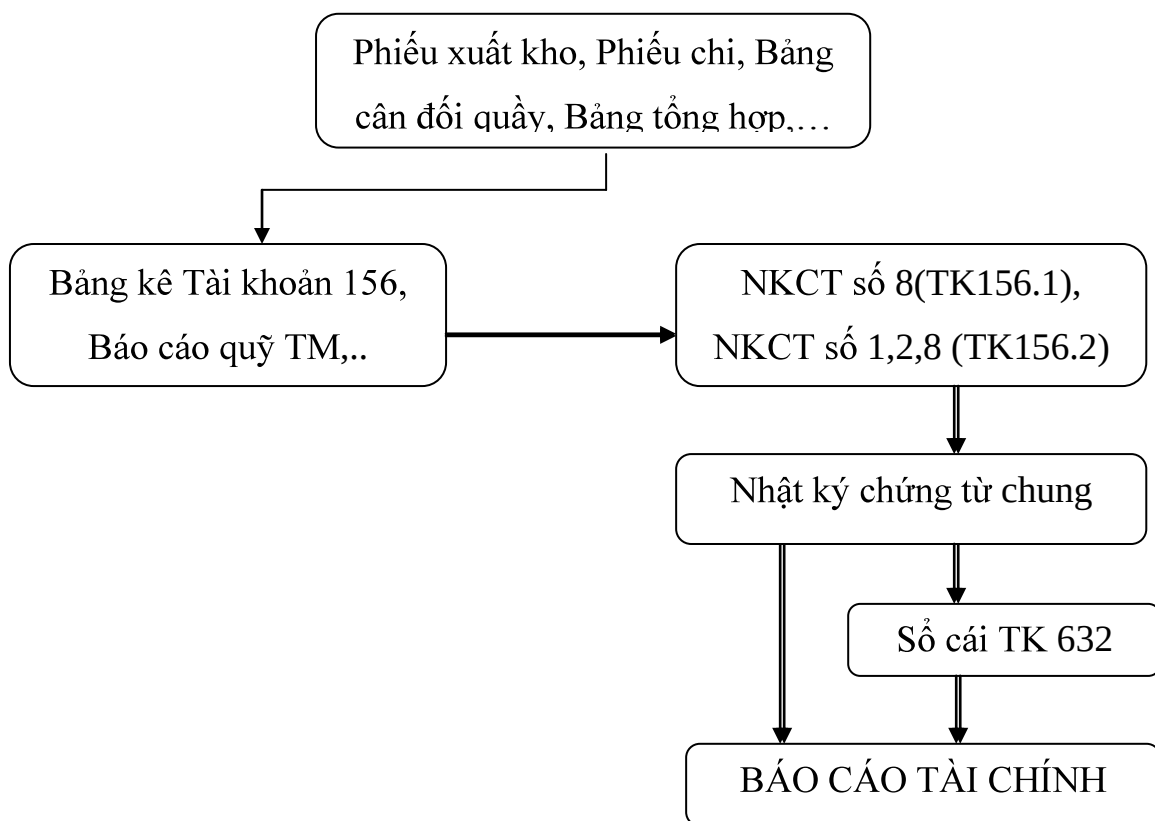
- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- TK632: Giá vốn hàng bán

2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP TM Minh Khai.



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi định kỳ ==>

Cuối tháng, để tính giá vốn hàng bán, kế toán căn cứ trên các Bảng cân đối của từng quầy hàng để lập Bảng tổng hợp cho các quầy (có thống kê lượng nhập xuất trong tháng). Từ số liệu tổng hợp được, kế toán vào Bảng kê TK 156, rồi vào Nhật ký chứng từ số 8. Dựa trên Nhật ký chứng từ số 8 để vào Nhật ký chứng từ chung, sau đó vào Sổ cái. Cuối kỳ kế toán, kế toán dựa trên Sổ cái đã hạch toán hoặc Nhật ký chứng từ chung để lên các báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

VD 3: Cuối tháng 11/2012 kế toán tiến hành tính giá vốn hàng bán ra của quầy Tổng Hợp.

- Dựa trên các báo cáo bán hàng, Sổ tổng hợp quầy và các Phiếu xuất kho(Biểu mẫu 2.13) đã chuyển lên trong tháng, kế toán tiến hành thống kê số liệu vào Bảng kê hàng nhập quầy (Biểu 2.14) và Bảng cân đối quầy (Biểu 2.15).

Lưu ý: Đối với các quầy hàng, để xác định lượng hàng hóa nhập cho mỗi mặt hàng vào trong quầy, mật dịch viên căn cứ trên nhu cầu thị trường: lượng bán của mặt hàng đó vào tháng trước, lượng hàng bán được trong cùng kỳ năm trước và các mùa trong năm để có kế hoạch nhập hàng về tại quầy (lượng hàng nhập thường không cố định về số lượng). Đối với phạm vi trên toàn Doanh nghiệp, Phòng kinh doanh cũng dựa trên các yếu tố kể trên và lượng hàng còn tồn kho để lập kế hoạch mua thêm hàng hóa trong tháng.

- Căn cứ vào các bảng cân đối quầy hàng, kế toán lên bảng tổng hợp – chuyển bán(Biểu 2.16). Sau đó vào bảng kê TK 156(Biểu 2.17).

- Căn cứ trên bảng kê TK 156 kế toán tiến hành ghi vào NKCT số 8(Biểu 2.18), sau đó vào Nhật ký chứng từ chung(Biểu 2.19), sau đó vào sổ cái TK 632(Biểu 2.20).

- Cuối kỳ kế toán, kế toán dựa trên Sổ cái đã hạch toán hoặc Nhật ký chứng từ chung để lên các báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.13 – Phiếu xuất kho số 33/11

Đơn vị: CTCPTM	PHIẾU XUẤT KHO Số 33/11	Mẫu số: 02 - VT
Minh Khai.	Ngày 20 tháng 11 năm 2012	QĐ 15/2006 BTC
Địa chỉ: 23-Minh Khai		
Tên đơn vị nhận: Đỗ Thị Lê Hương – Quầy tổng hợp.		
Lý do xuất kho: Chuyển bán (Bán lẻ)		
Xuất tại kho:		

TT	TÊN HÀNG	ĐV tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	Voka 0,3 lít 29°5	Chai	120	25,545	3,065,400	
2	R HN lít 29 °5	Chai	80	31,700	2,536,000	
3	R HN pét 29 °5	Chai	20	18,321	366,420	
4	R Hà Nội 4 lít 35°	Can	30	113,275	3,398,250	
5	R Hà Nội 4 lít 39 °5	Can	20	135,930	2,718,600	
6	R Anh Đào 0,75	Chai	50	27,700	1,385,000	
7	R E Agles	Chai	10	505,455	5,054,550	
8	Vang Melot 1,5	Chai	5	220,000	1,100,000	
9	Vang chất 3l	Chai	10	268,182	2,681,820	
10	Nước ép trái cây	Chai	20	51,000	1,020,000	
11	Thuốc lá 555	Cây	20	15,455	309,100	
12	John đen không hộp	Chai	10	395,185	3,951,850	
13	John đen không ly	Chai	10	407,550	4,075,500	
	Cộng			2,215,298	31,662,490	

Cộng thành tiền: **Ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi đồng./.**

K.T trưởng	Thủ kho	Người nhận	P.T cung tiêu	Thủ trưởng ĐV
------------	---------	------------	---------------	---------------

Chú thích: Phiếu xuất kho trên là phiếu xuất kho hàng hóa ra quầy do thủ kho viết. Dựa vào các PXK ra quầy kế toán sẽ thống kê và ghi vào Bảng kê hàng nhập quầy và ghi đơn giá xuất vào cột giá mua của bảng Cân đối quầy.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.14 – Bảng kê hàng nhập quỹ Tổng hợp tháng 11/2012

Ngày	Số phiếu	Trị giá	Ngày	Số phiếu	Xuất
10/11	12/11	69,754,655			
15/11	21/11	58,785,389			
20/11	33/11	31,662,490			
25/11	46/11	45,385,000			
Cộng		205,560,534	Cộng		0
		Nhập khác			Xuất khác
Cộng		0	Cộng		0
Tổng cộng		205,560,534			

Người lập biểu: **Bùi Thị Ngọc**

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.15 – Cân đối quỹ Tổng hợp

CÂN ĐỐI QUỸ TỔNG HỢP

Tháng 11 năm 2012 –MDV Lê Hương.

Stt	Tên hàng hóa	Giá đơn vị		Số dư đầu tháng		Nhập		Bán		Xuất HC		Giá vốn	Thuế GTGT	Chênh lệch lãi	Số dư cuối tháng	
		Giá mua	Giá bán có VAT	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền				S L	Dư cuối kỳ
1	Voka 0,3 lít 29°5	25,545	31,000	36	919,620	120	3,065,400	48	1,488,000	25	702,488	1,864,785	199,135	126,568	83	2,120,235
2	Voka 0,75 39°5	53,360	67,000	114	6,083,040	-	-	24	1,608,000	-	-	1,280,640	146,182	181,178	90	4,475,040
3	Lúa mới 0,6 có hộp	35,000	50,000	50	1,750,000	-	-	20	1,000,000	-	-	700,000	90,909	209,091	30	750,000
4	R HN lít 29°5	31,700	40,000	35	1,109,500	80	2,536,000	30	1,200,000	-	-	951,000	109,091	139,909	65	1,811,500
5	R HN pét 29°5	18,321	25,000	46	842,766	20	366,420	21	525,000	-	-	384,741	47,727	92,532	45	684,186
...						...		...		...			...			
	Cộng				291,970,833		205,560,534		190,900,500		4,223,214	162,790,664	17,140,089	15,192,961		334,740,703

Trong đó:

Giá vốn = (SL bán+SL xuất HC) x Giá mua

Thuế GTGT = $\frac{TT \text{ bán} + TT \text{ xuất HC}}{1+t_{VAT}}$ x t_{VAT}

Chênh lệch lãi = $\frac{TT \text{ bán} + TT \text{ xuất HC}}{1+t_{VAT}}$ - Giá vốn

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.16 – Bảng tổng hợp chuyển bán

BẢNG TỔNG HỢP – CHUYỂN BÁN THÁNG 11 NĂM 2012

STT	Tên quỹ	Dư đầu	Nhập kho	CL lãi	Thuế GTGT	CL tăng HT	CL XT	Nhập kho gạo	Tổng
1	Tự chọn	117,278,816	41,102,063	9,297,645	5,773,418				56,173,126
2	Tổng hợp	291,970,833	205,560,534	15,192,961	17,140,089				237,893,584
3	Nhôm	145,136,296	789,208,164	12,433,100	81,621,064				883,262,328
4	Gạo Kết	233,797,479	38,225,000	3,274,616	3,926,074				45,425,690
5	Xuân Hòa	111,743,507	75,162,760	6,800,646	4,028,545				85,991,951
...									
	Cộng:	1,310,116,412	4,405,588,235	137,579,807	425,111,436	-	-	87,096,000	5,055,375,478
STT	Tên quỹ	Bán ra	Kho Cty	Trả	X#HC	CL hạ HT	Tổng bán ra+X#HC	Tổng giá vốn	Dư cuối
1	Tự chọn	63,507,600			834,719		64,342,319	49,271,256	109,109,623
2	Tổng hợp	190,900,500			4,223,214		195,123,714	162,790,664	334,740,703
3	Nhôm	897,831,700					897,831,700	803,777,536	130,566,924
4	Gạo Kết	43,663,000					43,663,000	36,462,310	235,560,169
5	Xuân Hòa	44,914,000					44,914,000	34,084,809	152,821,458
...									
	Cộng:	4,851,332,240	-	-	5,057,933	-	4,856,390,173	4,293,698,930	1,509,101,807

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.17 – Bảng kê TK hàng hóa 156.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

BẢNG KÊ TK HÀNG HÓA 156.1

Tháng 11 năm 2012

Tên đơn vị	Số dư	Ghi Nợ TK 156, ghi Có các TK				Cộng Nợ
		136Cty	136kho gạo	711	331A	
Các quầy	1,130,116,411	4,405,588,325	87,096,000			4,492,684,325
Kho Cty	3,487,294,238			47,298,382	4,402,027,835	4,089,326,217
Cộng	4,797,410,649	4,405,588,325	87,096,000	47,298,382	4,402,027,835	8,582,010,542
Tên đơn vị	Ghi Có TK 156, ghi Nợ các TK				Cộng có	Dư cuối kỳ
	136Cty	632	331	641		
Các quầy		4,293,698,930			4,293,698,930	1,509,101,806
Kho Cty	4,405,588,325				4,405,588,325	3,171,032,130
Cộng	4,405,588,325	4,293,698,930	0	0	8,699,287,255	4,680,133,936

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.18 – Nhật ký chứng từ số 8

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 11 năm 2012

ND	Dư đầu kỳ	Ghi nợ TK 1561 ghi có các TK			Cộng nợ	Ghi có TK 1561 ghi nợ các TK		Cộng có	Dư cuối kỳ
		136gạo	711	331		136 Quầy	632		
Gạo	17,483,618,080			22,793,085,000	22,793,085,000	87,096,000	16,985,343,580	17,072,439,580	23,204,263,500
Chuyên bán	4,797,410,649	87,096,000	47,298,382	4,402,027,835	4,176,422,217		4,293,698,930	4,293,698,930	4,680,133,936
CH 1+CH 2	0			107,147,000	107,147,000		107,147,000	107,147,000	0
CH Trần Q.Khai	0			9,071,064	9,071,064		9,071,064	9,071,064	0
Cộng	22,281,028,729	87,096,000	47,298,382	26,951,330,889	27,085,725,281	87,096,000	21,395,260,574	21,482,356,574	27,884,397,436

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.19 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK 632,641,642)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 632		TK đối ứng		TK 641		TK đối ứng		TK 642	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có
	1561	21,395,260,574			1111	210,367,588			1111	89,530,705	
	1562	521,733,356			1121	147,934,509			2141	50,000,000	
	1111				1122	104,140			334	72,319,291	
	154				1388	78,000,000			3383	6,509,300	
911			21,916,993,930		2141	70,000,000			3384	1,148,700	
					...				3389	382,900	
				1111			282,600		...		
				911			698,338,728	911			268,368,282
Cộng:		21,916,993,930	21,916,993,930	Cộng:		698,621,328	698,621,328	Cộng:		268,368,282	268,368,282

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán.

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 1561			16,082,194,062	21,395,260,574	19,041,685,377	248,538,080,205
TK 1562			593,058,450	521,733,356	694,781,243	6,998,745,200
Cộng phát sinh Nợ			16,675,252,512	21,916,993,930	19,736,466,620	255,536,825,428
Cộng phát sinh Có			16,675,252,512	21,916,993,930	19,736,466,620	255,536,825,428

Biểu 2.20 – Sổ cái tài khoản 632

2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi Ngân hàng, tiền cho vay, lãi đầu tư ngắn hạn, dài hạn, Cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá,...; chi phí tài chính bao gồm tiền lãi vay Ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá,...

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

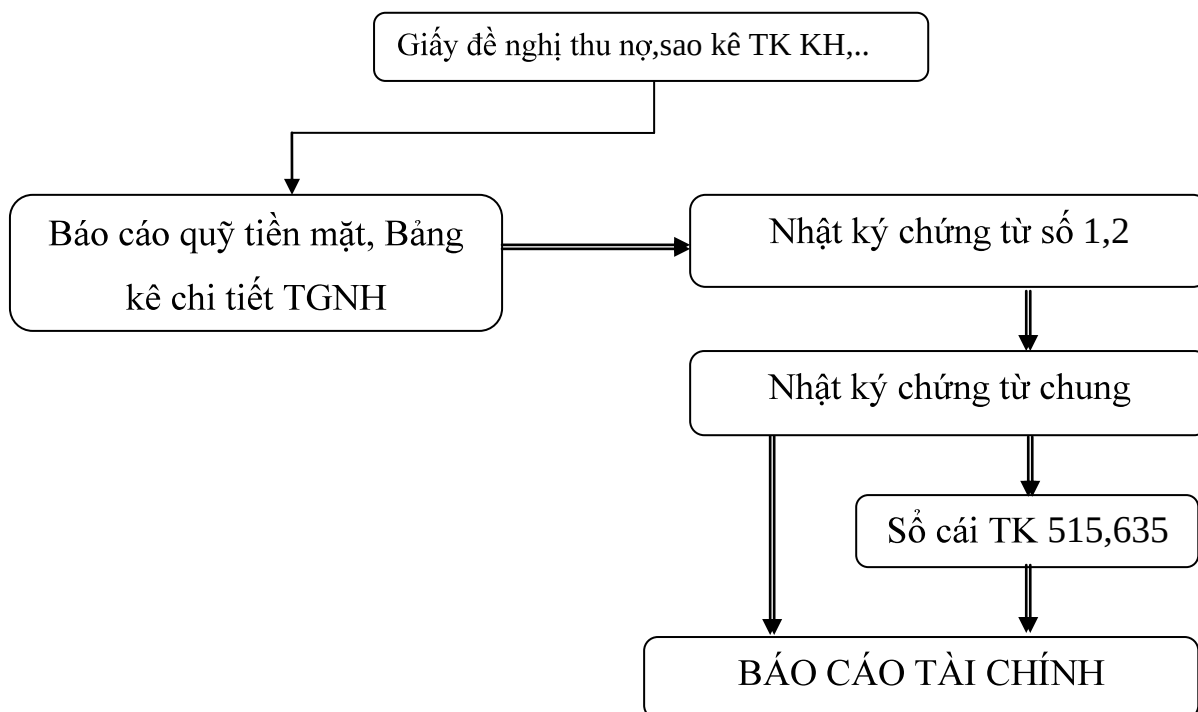
- Giấy đề nghị thu nợ, phiếu hạch toán giao dịch khách hàng.
- Bảng sao kê tài khoản khách hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK635: Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP TM Minh Khai



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>
Ghi định kỳ =====>

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ liên quan đến khoản chi phí tài chính và doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong doanh nghiệp, kế toán vào Bảng kê chi tiết TGNH hoặc báo cáo quỹ tiền mặt.

Cuối tháng, căn cứ trên các sổ sách có liên quan đến doanh thu HĐTC và chi phí tài chính nói trên, kế toán tiến hành ghi vào NKCT số 1 hoặc 2. Sau đó, dựa trên các số liệu đã được tổng hợp từ các NKCT có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào NKCT chung, rồi tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ chung để vào sổ cái TK 515, TK 635.

Cuối kỳ hạch toán, dựa trên sổ cái hoặc NKCT chung đã hạch toán, kế toán tiến hành lên các báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

VD 4: Ngày 19/11/2012 công ty trả nợ và lãi vay cho Ngân hàng Đầu tư & phát triển Hải Phòng.

- Căn cứ vào Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng (Biểu 2.21) và giấy đề nghị thu nợ do ngân hàng chuyển đến (Biểu 2.22), công ty tiến hành trả tiền và hạch toán vào Bảng kê chi tiết tiền gửi ngân hàng (mở cho Ngân hàng Đầu tư HP) (Biểu 2.23)
- Đến cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ các bảng kê chi tiết để vào Nhật ký chứng từ số 2 (Biểu 2.24). Sau đó, trên cơ sở số liệu trên để vào nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.25) (phần ghi cho các TK 632, 635, 641, 642).
- Từ nhật ký chứng từ chung đó, kế toán tiến hành vào sổ cái TK 635 (Biểu 2.26).
- Cuối kỳ hạch toán, dựa trên sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung kể trên để lên các Báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.21 – Giấy đề nghị thu nợ

PHÒNG QTTD	Hải Phòng, ngày 19/11/2012															
GIẤY ĐỀ NGHỊ THU NỢ																
Kính gửi: phòng giao dịch khách hàng doanh nghiệp.																
Đề nghị MDV thu nợ sau:																
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Minh Khai.																
Chi tiết trả nợ gốc, lãi vay như sau:																
<table><tr><th>TK tiền vay</th><th>Số tiền thu nợ gốc</th><th>Số tiền thu lãi</th><th>Tổng số tiền thu nợ</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>321.82.000.159423</td><td>1,100,000,000</td><td>19,466,666</td><td>1,119,466,666</td><td>321.10.000.141254</td></tr><tr><td>Tổng cộng</td><td>1,100,000,000</td><td>19,466,666</td><td>1,119,466,666</td><td></td></tr></table>	TK tiền vay	Số tiền thu nợ gốc	Số tiền thu lãi	Tổng số tiền thu nợ	Ghi chú	321.82.000.159423	1,100,000,000	19,466,666	1,119,466,666	321.10.000.141254	Tổng cộng	1,100,000,000	19,466,666	1,119,466,666		
TK tiền vay	Số tiền thu nợ gốc	Số tiền thu lãi	Tổng số tiền thu nợ	Ghi chú												
321.82.000.159423	1,100,000,000	19,466,666	1,119,466,666	321.10.000.141254												
Tổng cộng	1,100,000,000	19,466,666	1,119,466,666													
<i>Hải Phòng, ngày 19 tháng 11 năm</i>																
2012																
Cán bộ QTTD	Người nhận	Lãnh đạo phòng														
QTTD																

Biểu 2.22 – Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng

PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG	Số:0041
Transfernote	Ngày:
MST: 0100150619004	
Hạch toán theo loại chứng từ:	
☐ Ủy nhiệm chi/Payment Order	☐ Ủy nhiệm thu/Collection Order
☐ Thu nợ vay/Loan Payment	☐ Hóa đơn bán hàng/Receipt
☐ Loại khác/Other:	
321 NOTT20 HAPTT 50 321-10-00-014125-4 VND CTY CPTM MINH KHAI	
19/11/2012 15:31:08 4101 4121 TRF 321-82-00-015912-3 VND CTY CPTM MINH KHAI	
DR 1,119,466,666.00 VND 1.0000000 CR 1,119,466,666.00 VND 1.0000000	
PHI: 0 VND VAT 0 VND 1.0000000 MST: 0200585677	
TTOAN PHI: 0 VND 1.000000 THU NO	
SO TIEN GOC: 1,100,000,000.00 LAI: 19,466,666.00 LAI TRA CHAM:0.00	
GIAO DỊCH VIÊN/RECEIVED BY	KIỂM SOÁT/VERIFIED BY

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.23 – Bảng kê chi tiết Tài khoản tiền gửi Ngân hàng (NH đầu tư&phát triển HP) số 1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG 112.1

Tháng 11 năm 2012

Ngân hàng Đầu tư& Phát triển Hải Phòng

D1 122,004,403

SỐ 1

Ngày	Diễn Giải	Ghi Nợ TK 112 ghi có các TK							Cộng Nợ
		111	131	338.8				...	
1	Công ty CP bia rượu NG KHN thanh toán tiền hàng		3,357,728,640						3,357,728,640
2	Nộp tiền vào NH	240,000,000							240,000,000
5	Nộp tiền vào NH	662,500,000							662,500,000
...									
	Cộng	2,516,024,000	3,997,573,264	93,897,900					6,607,495,164
Ngày	Diễn Giải	Ghi Có TK 112 ghi Nợ các TK							Cộng Có
		331A	113	311	133	635	641	...	
1	TT tiền hàng cho Phú Minh Hưng	210,000,000							210,000,000
2	Chuyển tiền sang TK Eximbank		2,000,000,000						2,000,000,000
2	NH thu phí dịch vụ				50,000		500,000		550,000
...									
19	Trả nợ+lãi vay NH			1,100,000,000		19,466,666			1,119,466,666
22	Trả lãi vay NH					72,000,000			72,000,000
	Cộng	1,076,068,280	3,400,000,000	2,000,000,000	153,172	146,266,666	1,531,719		6,714,500,737

D2 14,998,830

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.24 – Nhật ký chứng từ số 2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Tài khoản 112.1 – tiền gửi ngân hàng tháng 11/2012

Dư đầu tháng 856,252,270

Ngân hàng	Cộng Nợ	Ghi Nợ TK 112 Ghi Có các TK khác							
		111	131	338.8	515	112.2	511.1		331a
Đầu tư(1)	6,607,495,164	2,516,024,000	3,997,573,264	93,897,900					
Đầu tư(2)	5,088,049,368	200,000,000	3,487,112,370		936,998				
Đầu tư(3)	734,875,695	585,000,000	136,638,695	13,237,000					
CT HP(1)	3,660,035,474		806,670,474			1,437,270,000	12,209,091		2,665,000
....									
Cộng	38,415,317,610	7,169,224,000	10,859,376,971	225,764,050	1,816,589	12,168,730,000	28,530,909		6,437,000
Ngân hàng	Cộng Có	Ghi Có TK 112-Ghi Nợ các TK khác							
		311	331A	136	156.2	331B	133		635
Đầu tư(1)	6,714,500,737	2,000,000,000	1,076,068,280	90,480,900			153,172		146,266,666
Đầu tư(2)	4,997,997,229	3,400,000,000	1,215,163,750		256,796,318		34,621,980		-
Đầu tư(3)	820,175,435		775,481,130				56,500		
CT HP(1)	3,468,800,243	2,800,000,000	118,829,874			548,952,369	13,000		875,000
....									
Cộng	39,130,173,507	22,477,788,062	5,607,229,646	482,480,900	508,218,318	1,035,841,327	64,711,887		463,386,773

Dư cuối tháng: 141,396,373

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.25 – Nhật ký chứng từ chung (Phân ghi cho các TK635, 641, 642)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 635		TK đối ứng		TK 641		TK đối ứng		TK 642	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có
	1121	463,386,773		1111			282,600		1111	89,530,705	
	1122	24,889,767			1111	210,367,588			2141	50,000,000	
	335	7,000,000			1121	147,934,509			334	72,319,291	
136			9,979,082		1122	104,140			3383	6,509,300	
911			485,297,458		1388	78,000,000			3384	1,148,700	
					2141	70,000,000			3389	382,900	
					...				...		
				911			698,338,728	911			268,368,282
Cộng:		495,276,540	495,276,540	Cộng:		698,621,328	698,621,328	Cộng:		268,368,282	268,368,282

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu số 2.26 – Sổ cái tài khoản 635

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 635-Chi phí hoạt động tài chính.

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 1121			395,891,010	463,386,773	563,109,500	2,508,058,456
TK 1122			7,000,000	7,000,000	24,565,278	1,278,165,278
TK 335			31,614,733	24,889,767	34,635,488	330,250,031
.....						
Cộng phát sinh Nợ			434,505,743	495,276,540	662,520,025	4,502,095,684
Cộng phát sinh Có			434,505,743	495,276,540	662,520,025	4,502,095,684

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

VD 5: Ngày 25/11/2012, Ngân hàng đầu tư và phát triển hải phòng trả lãi tiền gửi cho doanh nghiệp.

- Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản khách hàng (Biểu 2.27) và chứng từ về lãi suất (DD Interest Voucher) (Biểu 2.28) do ngân hàng gửi đến, kế toán sẽ ghi chép nghiệp vụ vào bảng kê chi tiết tiền gửi ngân hàng(mở cho NH đầu tư và phát triển Hải phòng) (Biểu 2.29).

- Đến cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ các bảng kê chi tiết để vào Nhật ký chứng từ số 2(Biểu 2.30). Sau đó, trên cơ sở số liệu trên để vào nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.31)(phần ghi cho các TK 5111,5113,5121,515).

- Từ nhật ký chứng từ chung đó, kế toán tiến hành vào sổ cái TK 515 (Biểu 2.32)

- Cuối kỳ hạch toán (năm),dựa trên sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung kê trên để lên các Báo cáo tài chính.

Biểu 2.27 – DD Interest Voucher (chứng từ lãi suất)

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM		
Chi nhánh 321 CN Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hải Phòng		
DD INTEREST VOUCHER		
Ngày 26/11/2012		
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai		Loại tiền: VND
Tài khoản số: 321-10-00-014125-4		
Ngày giao dịch: 25/11/2012.		
Số dư tài khoản	Lãi suất	
3,650,122,469.00	2.0000000	936,998.00
: 936,998.00		
: Chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi tám VND chẵn.		
Teller		Kiểm soát viên

Biểu 2.28 – Sao kê tài khoản khách hàng

Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam	DDB402P	Trang 1			
Chi nhánh: 321 NH TMCP ĐT&PT Hải Phòng		Ngày 26/11/2012			
		Giờ: 8:17:20			
 SAO KÊ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG Tài Khoản số: 32110000141254 Tên khách hàng: Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai Từ ngày 25/11/2012 đến 26/11/2012 					
<u>Ngày</u>	<u>Mã GD</u>	<u>Số Sec</u>	<u>PS Nợ</u>	<u>PS Có</u>	<u>Số dư</u>
	Số dư đầu				3,649,185,471.00
25/11/2012				936,998.00	3,650,122,469.00
	Tổng		0.00	936,998.00	
	Số dư cuối				3,650,122,469.00
Lập bảng			Xác nhận của Ngân hàng		

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.29 – Bảng kê chi tiết Tài khoản tiền gửi Ngân hàng (NH đầu tư&phát triển HP) số 2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG 112.1

Tháng 11 năm 2012

Ngân hàng Đầu tư&phát triển Hải phòng

D1: 14,998,830

SỐ 2

Ngày	Diễn giải	Ghi nợ tk 112 ghi có các tk						
		111	131	113	515			Cộng Nợ
23	Nhận tiền từ TK Eximbank HP			1,400,000,000				1,400,000,000
23	Cty CP bia rượu NGK NH thanh toán tiền hàng		3,487,112,370					3,487,112,370
23	Nộp tiền vào tài khoản	100,000,000						100,000,000
25	Ngân hàng trả lãi tiền gửi				936,998			936,998
27	Nộp tiền vào tài khoản	100,000,000						100,000,000
	CỘNG	200,000,000	3,487,112,370	1,400,000,000	936,998			5,088,049,368
Ngày	Diễn Giải	Ghi Có TK 112 ghi Nợ các TK						
		311	331A	1562	641	133		Cộng Có
23	TT vận chuyển cho Cty CPXD Đường biển			220,214,318		22,021,432		242,235,750
23	Ngân hàng thu phí dịch vụ				145,341	14,534		159,875
..								
	CỘNG	3,400,000,000	1,215,163,750	256,796,318	91,415,181	34,621,980		4,997,997,229

D2 105,050,969

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.30 – Nhật ký chứng từ số 2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Dư đầu tháng 856,252,270

Ngân hàng	Cộng Nợ	Ghi Nợ TK 112 Ghi Có các TK khác							
		111	131	338.8	515	112.2	511.1		331a
Đầu tư(1)	6,607,495,164	2,516,024,000	3,997,573,264	93,897,900					
Đầu tư(2)	5,088,049,368	200,000,000	3,487,112,370		936,998				
Đầu tư(3)	734,875,695	585,000,000	136,638,695	13,237,000					
CT HP(1)	3,660,035,474		806,670,474			1,437,270,000	12,209,091		2,665,000
....									
Cộng	38,415,317,610	7,169,224,000	10,859,376,971	225,764,050	1,816,589	12,168,730,000	28,530,909		6,437,000
Ngân hàng	Cộng Có	Ghi Có TK 112-Ghi Nợ các TK khác							
		311	331A	136	156.2	331B	133		635
Đầu tư(1)	6,714,500,737	2,000,000,000	1,076,068,280	90,480,900			153,172		146,266,666
Đầu tư(2)	4,997,997,229	3,400,000,000	1,215,163,750		256,796,318		34,621,980		-
Đầu tư(3)	820,175,435		775,481,130				56,500		
CT HP(1)	3,468,800,243	2,800,000,000	118,829,874			548,952,369	13,000		875,000
....									
Cộng	39,130,173,507	22,477,788,062	5,607,229,646	482,480,900	508,218,318	1,035,841,327	64,711,887		463,386,773

Dư cuối tháng: 141,396,373

Tài khoản 112.1 – tiền gửi ngân hàng tháng 11/2012

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.31 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK 511, 5121, 515)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 5111-Dthu bán hàng		TK đối ứng		TK 5121-Dthu nội bộ		TK đối ứng		TK 5113DV		TK đối ứng		TK 515	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư ĐK:		Nợ	Có	Dư ĐK:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			Nợ	Có			Nợ	có
1111			4,077,597,368	641			5,057,933					1121			1,816,589
1121			28,530,909					911		0		1122			3,063,239
131			20,181,943,155										911	4,879,828	
	911	24,288,071,432			911	5,057,933									
Cộng:		24,288,071,432	24,288,071,432	Cộng:		5,057,933	5,057,933	Cộng:		0	0			4,879,828	4,879,828

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.32 – Sổ cái TK 515

Đơn vị:CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ)

Tài khoản: 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 911	...		6,798,106	4,879,828	52,788,998	227,705,591
Cộng phát sinh Nợ	...		6,798,106	4,879,828	52,788,998	227,705,591
Cộng phát sinh Có	...		6,798,106	4,879,828	52,788,998	227,705,591
SDCT { Nợ Có						

2.2.5 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai bao gồm các chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng, chi phí giao nhận hàng, chi phí bốc vác hàng hóa, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai bao gồm các chi phí về tiền lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, chi công tác, chi tiếp khách, chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, nước,...),...

2.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL), Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), giấy báo Nợ, Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03- TT), giấy đề nghị thanh toán.
- Bảng tính khấu hao TSCĐ.
- Bảng danh sách lương đóng bảo hiểm.
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.5.2 Tài khoản sử dụng

- TK641: Chi phí bán hàng
- TK642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty không mở tài khoản cấp 2 để theo dõi cho từng đối tượng cụ thể trong chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

2.2.5.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc để vào báo cáo quỹ tiền mặt hoặc bảng kê chi tiết tiền gửi ngân hàng, các bảng kê chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, dựa trên các bảng kê có liên quan kể trên, kế toán tiến hành ghi vào các Nhật ký chứng từ tương ứng với các bảng kê đó, rồi từ đó vào Nhật ký chứng từ chung (theo dõi chung cho các tài khoản 632, 635, 641, 642) (cần tiến hành kết chuyển sang TK 911 sau khi đã xác định hết các khoản chi phí của từng khoản chi phí kể trên).

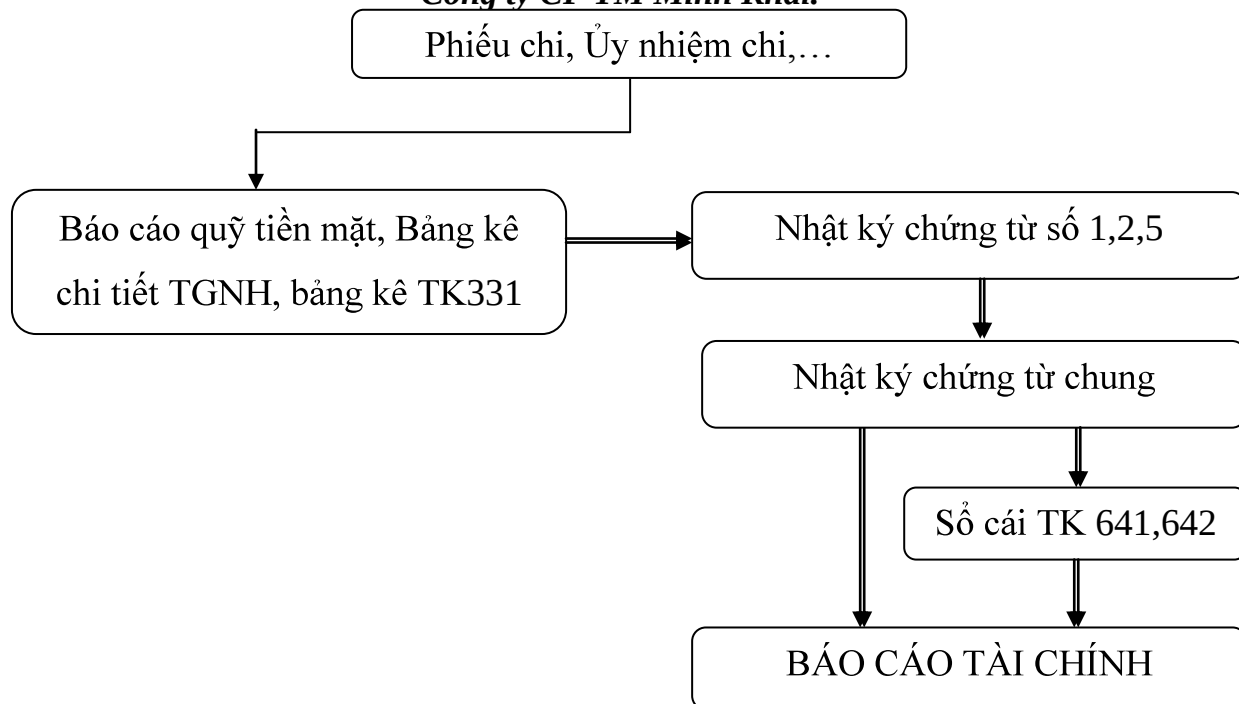
Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ chung để vào sổ cái.

Cuối kỳ hạch toán, căn cứ vào sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung, kế toán lên các báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại

Công ty CP TM Minh Khai.



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ

2.2.5.4 Ví dụ minh họa

VD 6: Ngày 2/11/2012 chi tiền tiếp khách.

- Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng(liên 2) (Biểu 2.33) mà người chi tiền đưa cho kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.35).
- Dựa trên phiếu chi, kế toán tiến hành ghi chép vào báo cáo quỹ tiền mặt(biểu 2.37)

VD 7: Ngày 2/11/2012 chi tiền giao nhận gạo.

- Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán (Biểu 2.34) đã được ký duyệt, kế toán tiến hành viết phiếu chi (Biểu 2.36), sau đó ghi vào báo cáo quỹ tiền mặt(Biểu 2.37 Đã minh họa ở trên).

➡ Cuối tháng, căn cứ vào các báo cáo quỹ tiền mặt trong tháng để vào NKCT số 1 (Biểu 2.38). Sau đó, trên số liệu đã được tổng hợp ở NKCT số 1,kế toán tiến hành ghi vào Nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.39). Từ Nhật ký chứng từ chung,kế toán vào sổ cái TK 641(Biểu 2.40), TK642 (Biểu 2.41).Cuối kỳ hạch toán , dựa trên sổ cái đã hạch toán,rồi từ đó lên các báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.33 – Hóa đơn GTGT số 4133

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 02/11/2012	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/11P Số HD: 0004133														
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VŨ LẬP. Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>5</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table> Địa chỉ: Số 15/7 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng. ĐT: 0313.758812 Số tài khoản: 10201 0000 779339- Ngân hàng Công Thương Ngô Quyền - HP		0	2	0	0	7	5	1	2	3	6				
0	2	0	0	7	5	1	2	3	6						
Họ tên người mua hàng: Đơn vị: CTY CP TM MINH KHAI Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>9</td><td>6</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table> Địa chỉ: số 23 đường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng. Hình thức thanh toán: Tiền mặt		0	2	0	0	5	8	9	6	7	7				
0	2	0	0	5	8	9	6	7	7						
STT	TÊN HH, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN										
A	B	C	1	2	3=1x2										
1	Tiếp khách				2,959,000										
Cộng tiền hàng:					2,959,000										
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	295,900										
Tổng cộng tiền thanh toán:					3,254,900										
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm đồng./.															
Người mua hàng (ký, họ tên)		Người bán hàng (ký, họ tên)		Thủ trưởng ĐV (ký, họ tên)											

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.34– Giấy đề nghị thanh toán

CÔNG TY CPTM MINH KHAI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Đơn vị:

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Tên tôi là: **Nguyễn Thị Hòa.**

Bộ phận công tác: **Phòng Kinh Doanh.**

Công việc: **Giao gạo dự trữ kho Thanh Oai.**

1. Ngày 29/10/2012	
- Ô tô Hải Phòng- Hà Nội.	70,000
- Xe ôm bến xe Lương Yên- Kho Thanh Oai	50,000
- Công tác phí.	60,000
2. Ngày 30/10/2012	
- Công tác phí	60,000
- Áp tải xe qua đêm	60,000
3. Ngày 31/10/2012	
- Công tác phí	60,000
- Xe ôm Mê Linh-Bến xe Lương Yên.	120,000
- Ô tô Hà Nội- Hải Phòng.	70,000
4. Ngày 1/11/2012	
- Công tác phí	60,000
- Xe ô tô Hải Phòng- Hà Nội.	70,000
- Xe ôm Bến xe Lương Yên- Mê Linh.	120,000
Tổng số tiền:	800,000

Bằng chữ: **Tám trăm ngàn đồng chẵn./.**

Đề nghị lãnh đạo công ty duyệt cho thanh tiền toán số tiền trên.

Giám đốc duyệt

Kế toán trưởng

Lãnh đạo phòng

Người đề nghị

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.35 – Phiếu chi số 02/11

Đơn vị: CÔNG TY CPTM	PHIẾU CHI Số 02/11	Mẫu số 02 – TT
MINH KHAI	Ngày 2 tháng 11 năm 2012	(Ban hành theo QĐ số
Địa chỉ: Số 23 - Minh khai	Nợ 642	15/2006/QĐ-BTC ngày
	Nợ 133	20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)
	Có 1111	
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hòa.		
Địa chỉ: Phòng hành chính		
Lí do chi: Chi phí tiếp khách		
Số tiền: 3,254,900 (viết bằng chữ) Ba triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm đồng./.		
Kèm theo 01 chứng từ gốc.		
Đã nhận đủ tiền 3,254,900		
Ngày 2 tháng 11 năm 2012		
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu
Thủ quỹ	Người nhận tiền	

Biểu 2.36 – Phiếu chi số 03/11

Đơn vị: CÔNG TY CPTM	PHIẾU CHI Số 03/11	Mẫu số 02 – TT
MINH KHAI	Ngày 2 tháng 11 năm 2012	(Ban hành theo QĐ số
Địa chỉ: Số 23 - Minh khai	Nợ 641	15/2006/QĐ-BTC ngày
	Có 1111	20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hòa		
Địa chỉ: Phòng Kinh Doanh.		
Lí do chi: Chi phí giao nhận gạo.		
Số tiền: 800,000 (viết bằng chữ) Tám trăm ngàn đồng chẵn./.		
Kèm theo 01 chứng từ gốc.		
Đã nhận đủ tiền 800,000 đ .		
Ngày 2 tháng 11 năm 2012		
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu
Thủ quỹ	Người nhận tiền	

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.37 – Báo cáo quỹ tiền mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

BÁO CÁO QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 1/11- 2/11/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	PHẦN THU: GHI NỢ TK 1111 GHI CÓ CÁC TK KHÁC					
Số	Ngày			136	3382	141	5111	3331	
1/11	2	Nộp trả tiền vay	127,550,000	127,550,000					
2/11	2	Nộp hoàn ứng	600,000			600,000			
		Cộng thu	128,150,000	127,550,000		600,000			
Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	PHẦN CHI: GHI CÓ 1111, GHI NỢ CÁC TK KHÁC					
Số	Ngày			641	331	133	642	112	141
1/11	1	Nộp tiền ngân hàng	200,000,000					200,000,000	
2/11	2	Chi tiếp khách	3,254,900			295,900	2,959,000		
3/11	2	Chi phí giao nhận gạo	800,000	800,000					
4/11	2	T/ứng đặt cọc dự thầu	30,000,000						30,000,000
5/11	2	Chi phí công tác	3,289,000			279,500	3,009,500		
6/11	2	Chi diệt môi	6,000,000	5,545,545		545,545			
....	..								-
		Cộng chi	266,559,732	10,534,545	17,540,769	1,539,781	6,944,637	200,000,000	30,000,000

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.38 – Nhật ký chứng từ số 1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Tháng 11 năm 2012

Số dư ĐK 8,636,887,956

BC quỹ	GHI NỢ TK 1111-GHI CÓ CÁC TK									
	131	136	141	112	3331	3382	5111	344	...	Cộng Nợ
BCQ từ 1-2		127,550,000	600,000							128,150,000
BCQ từ 3-5		192,600,000	30,405,000		4,538,727	2,107,000	45,387,273			275,038,000
...										
Cộng	57,171,979	2,106,592,324	95,739,000	410,000,000	390,249,092	2,326,007	4,077,597,368	0	...	7,175,731,289
BC quỹ	GHI CÓ TK 1111-GHI NỢ CÁC TK									
	1121	133	141	1562	642	334	331A	641	...	Cộng Có
BCQ từ 1-2	200,000,000	1,539,781	30,000,000		6,944,637		17,540,769	10,534,545		266,559,732
BCQ từ 3-5	1,247,500,000	114,182	12,000,000		1,494,000			5,861,818		1,285,203,772
...										
Cộng	7,168,624,000	18,329,945	363,200,000	5,949,301	89,530,705	216,957,874	181,296,455	210,367,588	...	11,806,843,468

Số dư CK 4,005,775,777

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.39 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK635, 641, 642)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 635		TK đối ứng		TK 641		TK đối ứng		TK 642	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có
	1121	463,386,773			1111	210,367,588			1111	89,530,705	
	1122	24,889,767			1121	147,934,509			2141	50,000,000	
	335	7,000,000			1122	104,140			334	72,319,291	
136			9,979,082		1388	78,000,000			3383	6,509,300	
911			485,297,458		2141	70,000,000			3384	1,148,700	
					...				3389	382,900	
				1111			282,600		...		
				911			698,338,728	911			268,368,282
Cộng:		495,276,540	495,276,540	Cộng:		698,621,328	698,621,328	Cộng:		268,368,282	268,368,282

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.40 – Sổ cái Tài khoản 642

Đơn vị:CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 1111			131,199,143	89,530,705	138,521,504	1,543,230,654
TK 1121			15,000,000		20,000,000	277,025,121
TK 2141			50,000,000	50,000,000	44,921,665	444,921,665
.....						
Cộng phát sinh Nợ			286,051,444	268,368,282	498,618,176	3,680,001,573
Cộng phát sinh Có			286,051,444	268,368,282	498,618,176	3,680,001,573

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.41– Sổ cái Tài khoản 641

Đơn vị:CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 641-Chi phí bán hàng.

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 1111			225,619,327	210,367,588	300,499,467	2,991,951,835
TK 1121			115,144,589	147,934,509	386,339,111	2,406,096,014
TK 1122			2,291,080	104,140	433,223	14,752,288
.....						
Cộng phát sinh Nợ			586,554,327	698,621,328	1,537,196,310	10,959,875,070
Cộng phát sinh Có			586,554,327	698,621,328	1,537,196,310	10,959,875,070

2.2.6 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai bao gồm việc doanh nghiệp được nhà cung cấp cho hưởng khuyến mại bằng sản phẩm, hoặc thu từ tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng mua bán,...

2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho
- Phiếu thu.
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- TK711: Thu nhập khác

2.2.6.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ liên quan đến khoản thu nhập khác phát sinh trong doanh nghiệp, kế toán vào bảng kê kho hàng KD hoặc sổ chi tiết TK331. Cuối tháng, kế toán dựa trên các bảng kê, sổ chi tiết nói trên để vào nhật ký chứng từ chung. Cuối kỳ hạch toán, dựa trên sổ cái hoặc NKCT chung đã hạch toán, kế toán tiến hành lên các báo cáo tài chính.

2.2.6.4 Ví dụ minh họa

VD 8: Ngày 20/11/2012 công ty nhập kho số hàng được công ty cao su INOUE cho hưởng khuyến mãi bằng sản phẩm.

- Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng (Biểu 2.42) và Phiếu nhập kho (Biểu 2.43), kế toán tiến hành ghi chép vào Bảng kê kho hàng (Biểu 2.44).
- Dựa trên Bảng kê kho hàng, kế toán vào Nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.45), từ đó vào Sổ cái TK 711 (Biểu 2.46) .
- Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ để lên các Báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.42 – Hóa đơn GTGT số 11979

Công ty TNHH cao su INOUE Việt Nam INOUE Rubber Vietnam Co.,LTD. Địa chỉ: Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội ĐT:84-04-381 65140/1/2 Fax:84-04-381 65144 Mã số thuế: 2500150631 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao cho người mua)						
INV0011979 Mẫu số:01GTKT5/001 KH:CT/12P Số: 0011979 Ngày 13/11/2012						
Khách hàng: Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai Mã số thuế: 0200585677 Địa chỉ: Số 23 Minh Khai, P.Hoàng Văn Thụ,Q.Hồng Bàng, TP Hải Phòng Giao hàng tại: Số 23 Minh Khai, P.Hoàng Văn Thụ, Q.Hồng Bàng,TP Hải Phòng Mã khách hàng: 131186 Hình thức thanh toán: Không thu tiền ĐT: 031.842 346 Fax: 031.842 438 Hạn thanh toán:						
Người bán: Do Duc Ha		ĐD hàng số:35333		Phiếu XHàng số: AA # 013094		Mã phòng:80
TT	Mã sản phẩm	Tên hàng hóa	ĐVTính	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	TYM-M1015-REP11	250-17 4PR 38L NR30	PCS	99	-	-
2	TYM-M1043-REP11	70/100-17 40P NR69	PCS	1	-	-
3	TYM-M1044-REP11	80/90 -17 50P NR69	PCS	98	-	-
Ghi chú: Hàng khuyến mại tháng 10/2012 không thu tiền			Cộng tiền hàng:			-
			Số tiền chiết khấu:			-
			Giá trị sau chiết khấu:			-
			Thuế suất GTGT (%)	-	Tiền thuế GTGT	-
Số tiền bằng chữ:				Tổng tiền thanh toán ➔		-
Người mua hàng		Người bán hàng		Xuất tại kho: kho Thuận Hưng		

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Biểu 2.43 – Phiếu nhập kho

Đơn vị:	PHIẾU NHẬP KHO	SỐ 04/11					
Bộ	Ngày 14/11/2012	Mẫu số 01 –VT					
phận:		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)					
Nhận của: Công ty cao su INOUE							
Theo số: HĐ 11979 ngày 13 tháng 11 năm 2012							
Biên bản kiểm nghiệm số: ngày...tháng...năm...							
T T	Tên nhãn hiệu quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng hàng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền
1	Lốp 250- 17 NR30	Chiếc	99	156,000	15,444,000		
2	Lốp 70/100-17 NR69	Chiếc	1	182,000	182,000		
3	Lốp 80/90-17 NR69	Chiếc	98	227,000	22,246,000		
	Cộng thành tiền				37,872,000		
Cộng thành tiền (Bằng chữ): Ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng./.							
Thủ trưởng ĐV PT cung tiêu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng							

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

BẢNG KÊ KHO HÀNG KINH DOANH

Tháng 11 năm 2012

Tên kho	Số dư ĐK	Nhập trong kỳ				Cộng Nợ	Xuất trong kỳ					Cộng Có	Dư cuối kỳ
		TK711	TK 154	TK331A	TK 136		TK136QCTy	TK 641	TK 642	TK 331	TK 632		
Kim Khí	2,301,554,915	37,872,000		3,014,991,520		3,052,863,520	3,245,838,842					3,245,838,842	2,108,579,593
Bách Hóa	1,184,934,778	9,291,481		760,517,202		769,808,683	893,095,469					893,095,469	1,061,647,992
LiLaMa	804,545	117,013		266,537,001		266,654,014	266,654,014					266,654,014	804,545
Cộng	3,487,294,238	47,298,382	0	4,042,027,835	0	4,089,326,217	4,405,588,325					4,405,588,325	3,171,032,130

Ghi chú:Nhập TK 711 của INOUE, Rạng đông và các hàng hóa khác.

Biểu 2.44 – Bảng kê kho hàng kinh doanh

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG.

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 353		TK đối ứng		TK 711	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ: 381,438,152		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có
421				1111			
112				1121			
	1111			1561			47,298,382
				331			2,952,061
					911	50,250,443	
Cộng PS		0	0	Cộng phát sinh		50,250,443	50,250,443
Dư cuối			381,438,152	Dư cuối			

Biểu 2.45 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK711, 353)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 711 – Doanh thu khác

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T10	T11	T12	Cộng
TK 911	...		75,237,884	50,250,443	353,986,638	945,994,401
Cộng phát sinh Nợ	...		75,237,884	50,250,443	353,986,638	945,994,401
Cộng phát sinh Có	...		75,237,884	50,250,443	353,986,638	945,994,401
SDCT { Nợ Có						

Biểu 2.46 – Sổ cái Tài khoản 711

2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.7.1 Chứng từ sử dụng

Tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, sau khi đã tổng hợp các số liệu từ các bảng kê hoặc sổ chi tiết kế toán lên các Nhật ký chứng từ chung (theo dõi cho các TK đầu 5,6,7), kế toán sẽ hạch toán luôn các bút toán kết chuyển vào Nhật ký chứng từ chung (là Nhật ký theo dõi chung cho TK 821,421,911).

2.2.7.2 Tài khoản sử dụng

- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.7.3 Quy trình hạch toán

- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào số liệu trên Nhật ký chứng từ chung, phần ghi cho các tài khoản, cụ thể:

- Phần ghi cho các TK5111,5113,512,515 (Biểu 2.47);
- Phần ghi cho các TK632, 635, 641, 642 (Biểu 2.48);
- Phần ghi cho các TK711, 353 (Biểu 2.49).

Trên cơ sở trên, kế toán tiến hành hạch toán và ghi chép vào Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK821,421,911) (Biểu 2.50), từ đó vào các Sổ cái:

- Sổ cái TK 911 (Biểu 2.51);
- Sổ cái TK421;
- Sổ cái TK821.

- Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ để lên các Báo cáo tài chính.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu 2.52);
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 5111-Dthu bán hàng		TK đối ứng		TK 5121-Dthu nội bộ		TK đối ứng		TK 5113DV		TK đối ứng		TK 515	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư ĐK:		N	C	Dư ĐK	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			Nợ	Có			Nợ	có
1111			4,077,597,368	641			5,057,933					1121			1,816,589
1121			28,530,909		911	5,057,933		911		0		1122			3,063,239
131			20,181,943,155										911	4,879,828	
	911	24,288,071,432													
Cộng:		24,288,071,432	24,288,071,432	Cộng:		5,057,933	5,057,933	Cộng:		0	0	Cộng		4,879,828	4,879,828

Biểu số 2.47 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK5111,5113,512,515)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 632		TK đối ứng		TK 635		TK đối ứng		TK 641		TK đối ứng		TK 642	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư ĐK:		N	C	Dư ĐK	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			Nợ	Có			Nợ	Có
	1561	21,395,260,547			1121	463,386,773			1111	210,367,588			1111	89,530,705	
	1562	521,733,356			1122	24,889,767			1121	147,934,509			2141	50,000,000	
	1111				335	7,000,000			1122	104,140			334	72,319,291	
	154			136			9,979,082		1388	78,000,000			3383	6,509,300	
911			21,916,993,930	911			485,297,458		2141	70,000,000			3384	1,148,700	
									...				3389	382,900	
								1111			282,600		...		
								911			698,338,728	911			268,368,282
Cộng:		21,916,993,930	21,916,993,930	Cộng:		495,276,540	495,276,540	Cộng:		698,621,328	698,621,328	Cộng:		268,368,282	268,368,282

Biểu số 2.48 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK632,635,641,642)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG.

Tháng 11 năm 2012

TK đối ứng		TK 353		TK đối ứng		TK 711	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ: 381,438,152		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có
421				1111			
112				1121			
	1111			1561			47,298,382
				331			2,952,061
					911	50,250,443	
Cộng PS		0	0	Cộng phát sinh		50,250,443	50,250,443
Dư cuối			381,438,152	Dư cuối			

Biểu 2.49 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK711, 353)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

TK ĐƯ		TK 821		TK ĐƯ		TK 421		TK ĐƯ		TK 911	
Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:		Nợ	Có	Dư đầu kỳ:	
		P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có			P/S Nợ	P/S Có
	3334				111	3,310,890,000		5111			24,288,071,432
911				911			979,261,238	5121			5,057,933
								515			4,879,828
								711			50,250,443
									632	21,916,993,930	
									635	485,297,458	
									641	698,338,728	
									642	268,368,282	
									8211		
									421	979,261,238	
Cộng:		0	0	Cộng:		3,310,890,000	979,261,238	Cộng:		24,348,259,636	24,348,259,636
Dư cuối				Dư cuối			5,370,948,731	Dư cuối			

Biểu 2.50 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK821,421,911)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Năm 2012

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này	T1	...	T11	T12	Cộng
TK 632	...		21,916,993,930	19,736,466,620	255,536,825,428
TK 635	...		485,297,458	-40,209,759	3.452,660,258
TK 641	...		698,338,728	1,537,192,511	9,806,659,751
TK 642	...		268,368,282	498,618,176	3,680,001,573
TK 421	...		979,261,238	207,646	8,682,046,377
TK 8211	...			1,519,358,116	1,519,358,116
Cộng phát sinh Nợ	...		24,348,259,636	21,732,275,194	281,158,193,387
Cộng phát sinh Có	...		24,348,259,636	21,732,275,194	281,158,193,387
SDCT { Nợ Có					

Biểu 2.51: Sổ cái TK 911

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	279,984,493,395	230,553,772,243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	279,984,493,395	230,553,772,243
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	255,536,825,428	201,077,566,393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,447,667,967	29,476,205,850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	227,705,591	412,909,184
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3,452,660,258	5,704,899,458
8. Chi phí bán hàng	24		9,806,659,751	9,052,338,725
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,680,001,573	3,962,873,245
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,736,051,976	11,169,003,606
11. Thu nhập khác	31		945,994,401	499,123,381
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		945,994,401	499,123,381
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,682,046,377	11,668,126,987
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1,519,358,116	2,041,922,223
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7,162,688,261	9,626,204,764
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3,125	3,768

Biểu 2.52: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.

3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1 Ưu điểm

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng Kế toán – Tài vụ. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng. Thêm vào đó đội ngũ nhân viên phòng kế toán là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức thực tế và có tinh thần trách nhiệm cao.

➤ Về công tác hạch toán kế toán:

▪ Về khâu tổ chức hạch toán kế toán ban đầu:

- Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ.
- Các chứng từ đều được sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, những thông tin kinh tế và nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều

được ghi đầy đủ chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hoàn chỉnh và xử lý kịp thời.

- Công ty có kế hoạch lưu chuyên chứng từ tương đối tốt, các chứng từ được phân loại, hệ thống hoá theo các nghiệp vụ, trình tự thời gian trước khi đi vào lưu trữ.

▪ Về công tác hạch toán tổng hợp:

Công ty đã áp dụng đầy đủ chế độ tài chính, kế toán của Bộ tài chính ban hành. Để phù hợp với tình hình và đặc điểm của Công ty, kế toán đã mở các tài khoản cấp 2 nhằm phản ánh một cách chi tiết, cụ thể hơn tình hình biến động của các loại tài sản của công ty và giúp cho kế toán thuận tiện hơn cho việc ghi chép một cách đơn giản, rõ ràng và mang tính thuyết phục, giảm nhẹ được phần nào khối lượng công việc kế toán, tránh được sự chồng chéo trong công việc ghi chép kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hợp lý, vì Công ty CP TM Minh Khai là công ty kinh doanh nhiều chủng loại hàng hoá khác nhau, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan nhiều đến hàng hoá, do đó không thể định kỳ mới kiểm tra hạch toán được.

3.1.2 Hạn chế

➤ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin:

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh việc quản lý doanh thu và chi phí còn chậm.

➤ Về hệ thống sổ sách tại Công ty:

☞ Về hệ thống sổ chi tiết:

Tại Công ty CP TM Minh Khai, việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh, song công ty vẫn còn hạn chế trong việc chưa mở Sổ chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty. Cụ thể đó là:

- **Sổ chi tiết bán hàng:** Việc mở Sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở Sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về doanh thu từng mặt hàng.

- **Sổ chi tiết giá vốn hàng bán:** Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì Công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Khi Công ty không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

- **Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Trong tất cả các thông tin mà kế toán cung cấp thì chi phí là một trong các thông tin mà bất cứ Doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực(SX, thương mại, tư vấn, dịch vụ,...) đều cần để phục vụ cho công tác quản lý như định giá bán sản phẩm, dịch vụ; lập dự toán; kiểm soát chi phí. Thông tin kế toán chi phí càng chi tiết tỷ mỉ càng hữu hiệu cho doanh nghiệp. Vì vậy, khi công ty không mở sổ chi tiết theo dõi các khoản chi phí sẽ gây khó khăn cho các nhà quản lý công ty trong việc quản lý, hoạch định và kiểm soát chi phí tại doanh nghiệp.

Về hệ thống sổ tổng hợp:

Hiện nay tại Công ty CPTM Minh Khai, kế toán tại đây áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, sổ sách theo hình thức này đã thay đổi về kết cấu và cách trình bày so với mẫu quy định. Điều này đã gây lên các khó khăn cho việc tiếp cận, đọc hiểu các bảng biểu tại Công ty. Trên hết, việc ghi chép sổ sách như vậy khiến các sổ sách ở đây trở lên phức tạp, gây ra những khó khăn trong việc tìm kiếm, đối chiếu, sàng lọc những thông tin kinh tế nói chung và các thông tin về các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra nói riêng.

Về việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nếu nói Sổ chi tiết liên quan đến các khoản doanh thu, chi phí cho ta góc nhìn chi tiết của thực trạng kinh doanh tại Doanh nghiệp thì việc phân tích báo

cáo kết quả kinh doanh sẽ mang lại cách nhìn tổng quan hơn. Thông qua việc phân tích các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh, các nhà quản lý sẽ thấy rõ mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến lợi nhuận thuần của Doanh nghiệp, sự thay đổi của các nhân tố này trong từng thời kỳ khác nhau. Từ đó, đưa ra các giải pháp hợp lý nhằm nâng cao doanh số bán hàng cũng như việc làm cách nào để tiết giảm các chi phí nhằm đạt được mục tiêu quản lý của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

Tuy nhiên, tại Công ty CP TM Minh Khai, công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh mới chỉ dừng lại ở việc lập Báo cáo chứ chưa đi sâu vào việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.2 HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

3.2.1 Nguyên tắc của sự hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty CPTM Minh Khai

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu ra và thông qua những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, thông qua đó có thể tăng cường cho công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai như sau:

3.2.2.1 Hiện đại hóa công tác kế toán.

Hiện nay, việc áp dụng các phần mềm kế toán vào doanh nghiệp trở nên rất phổ biến. Các phần mềm kế toán thông dụng có thể kể tên như: Phần mềm kế toán Fast (Fast Accounting); Phần mềm kế toán Misa (MISA SME.NET 2012); Phần mềm kế toán ACMAN (ACMAN Accounting);....

Sau đây là phần sơ lược về tính năng và giá cả của một số phần mềm thông dụng có thể áp dụng cho các doanh nghiệp thương mại:

➤ Phần mềm kế toán Fast Accounting

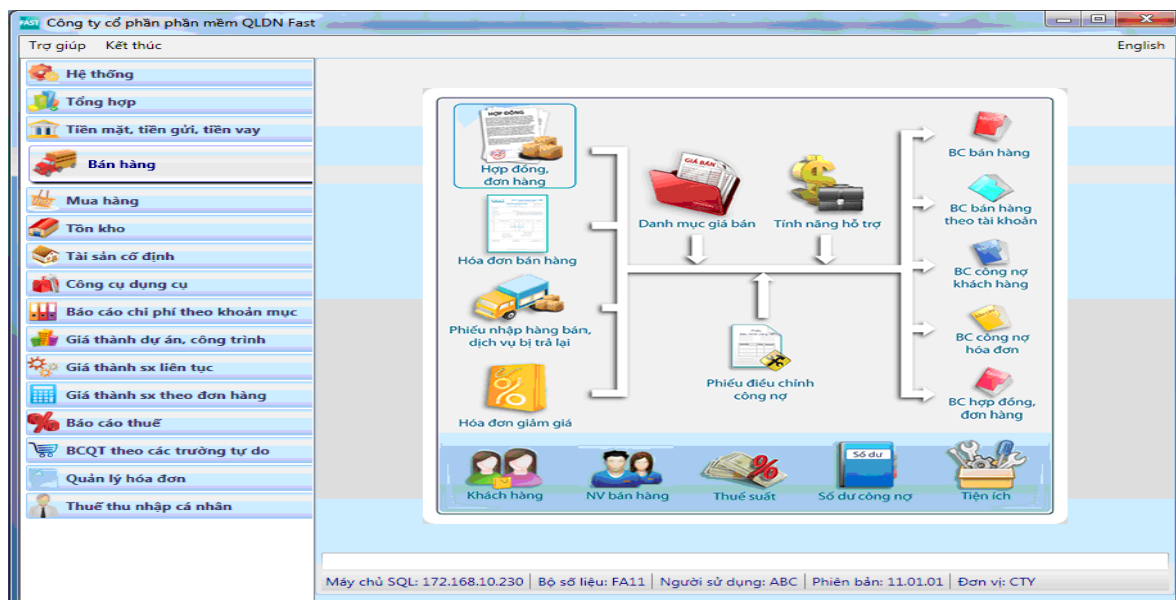
Các tính năng chính

- Khai báo năm tài chính, có thể khác với năm lịch hành chính thông thường. Khai báo kỳ bắt đầu nhập liệu vào phần mềm.
- Khai báo các thông tin ngầm định, một số quy tắc khi nhập liệu cho từng chứng từ. Khai báo các thông tin liên quan đến các quyển chứng từ. Với các quyển chứng từ khác nhau giúp người sử dụng có thể nhập đồng thời, độc lập các hóa đơn, các phiếu nhập xuất kho từ các quyển chứng từ khác nhau từ các máy làm việc khác nhau. Khai báo danh mục các loại tiền sử dụng, tỷ giá quy đổi ra đồng tiền hạch toán. Khai báo danh mục các đơn vị cơ sở, cho phép quản lý

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

số liệu riêng của từng đơn vị cấp dưới cũng như tổng hợp số liệu của toàn doanh nghiệp.

- Khai báo các tham số hệ thống dùng chung cho toàn bộ phần mềm như mã đồng tiền hạch toán, loại sổ sách sử dụng... Khai báo các thông tin tùy chọn giúp người sử dụng làm việc với phần mềm được thuận tiện hơn.



Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ: Hệ thống; Kế toán tổng hợp; Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay; Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán mua hàng và công nợ phải trả; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán TSCĐ; Kế toán CCLĐ; Báo cáo chi phí theo khoản mục;....

Bảng giá phần mềm và dịch vụ đào tạo, tư vấn:

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm	Giá dịch vụ đào tạo, tư vấn	Số buổi (2,5 giờ/buổi)
Dịch vụ (12 phân hệ)	6,000,000 đ	2,000,000 đ	4
Thương mại (13 phân hệ)	8,000,000 đ	2,000,000 đ	4
Xây lắp (14 phân hệ)	10,000,000 đ	2,000,000 đ	4
Sản xuất (16 phân hệ)	12,000,000 đ	3,000,000 đ	6

Phần mềm kế toán Misa (MISA SME.NET 2012)

Tính năng cơ bản:

- Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Công cụ quản trị tài chính hiệu quả: Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất: Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... mới nhất



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 có 13 phân hệ, bao gồm: Phân hệ Quỹ; Phân hệ Ngân hàng; Phân hệ Mua hàng; Phân hệ Bán hàng; Phân hệ Kho; Phân hệ Tài sản cố định; Phân hệ Tiền lương; Phân hệ giá thành; Phân hệ Cổ đông;...

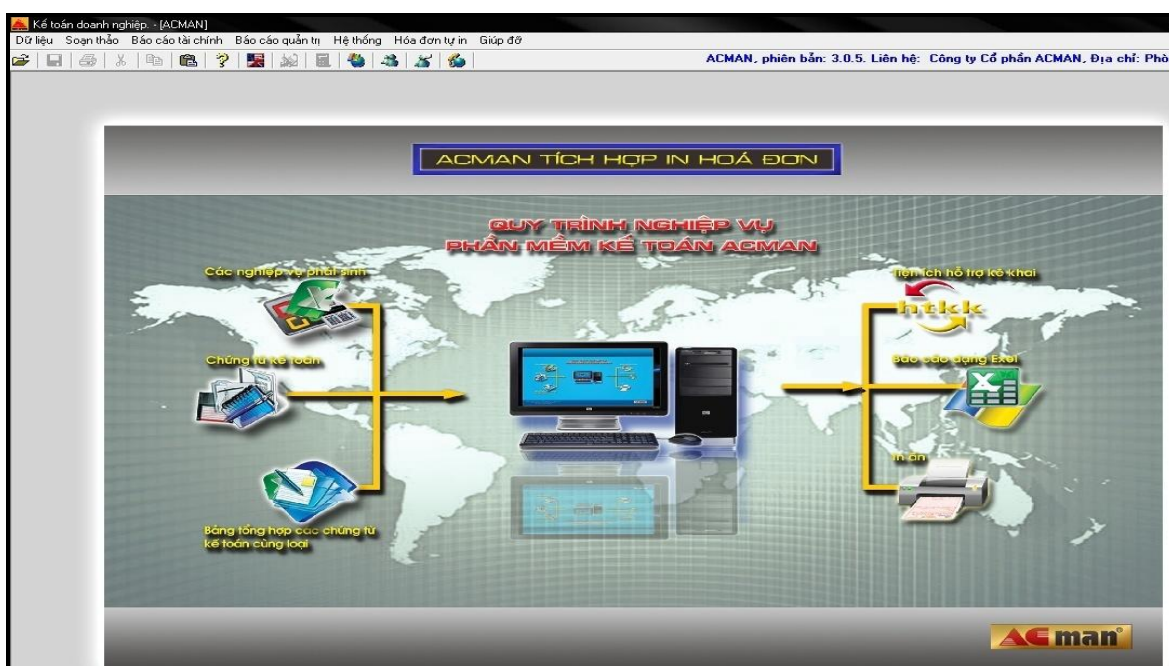
Bảng giá phần mềm MISA SME.NET 2012 và dịch vụ đào tạo, tư vấn:

Gói sản phẩm	Mô tả	Đơn giá	Giá dịch vụ đào tạo, tư vấn
Leasing	Không hạn chế tính năng	2.000.000	- Đào tạo tập trung: 950.000 đ/ Ng/khóa
Standard	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - 07 phân hệ	6.450.000	- Đào tạo t/tiếp tại ĐV: 3.950.000 đ/Khóa
Professional	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - 09 phân hệ	7.450.000	- Thay đổi GPSD: 650.000 đ/GPSD/Lần
Enterprise	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - đầy đủ 13 phân hệ	9.950.000	

➡ Phần mềm kế toán ACMAN

Tích năng cơ bản:

- Chương trình chạy ổn định, đơn giản, dễ sử dụng
- Hệ thống sổ sách, báo cáo đầy đủ theo quy định
- Tính năng mở, áp dụng mọi loại hình doanh nghiệp
- Sử dụng nhiều doanh nghiệp trên một bản quyền
- Đáp ứng tối đa nhu cầu kế toán quản trị, kế toán thuế.



Giá sản phẩm: Liên hệ.

Tóm lại, khi áp dụng giải pháp này, doanh nghiệp sẽ thu được các lợi ích đáng kể như: việc xử lý các nghiệp vụ, thông tin kinh tế trở lên nhanh chóng; giảm bớt khối lượng của công việc kế toán. Điều này góp phần giúp cho việc quản lý Doanh nghiệp nói chung và quản lý chi phí nói riêng được hiệu quả hơn. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng cần phải tính toán và xem xét về khoản chi phí bỏ ra, các tính năng công dụng của phần mềm có phù hợp với Doanh nghiệp hay không (tức là xem xét tính khả thi của phương án). Đề xuất của em là Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán (cụ thể là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012) vào trong việc hạch toán kế toán tại doanh nghiệp do những tiện lợi mà phần mềm đem lại, giá thành không cao. Ngoài ra phần mềm còn có phân hệ cổ đông thích hợp cho loại hình Công ty Cổ phần.

3.2.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách tại Công ty.

➤ Về hệ thống sổ chi tiết:

Công ty CP TM Minh Khai kinh doanh rất nhiều mặt hàng, doanh thu thu được hàng năm cũng đạt tới 12 con số. Tuy nhiên, các sổ sách về doanh thu và chi phí mà kế toán lập ra mới chỉ dừng lại là các sổ tổng hợp (Nhật ký chứng từ chung, Sổ cái các TK 511, 632,...) chứ chưa được hệ thống qua các sổ chi tiết (sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí QLDN). Điều này gây khó khăn lớn cho việc theo dõi xác định lượng sản phẩm tiêu thụ, doanh thu, chi phí cũng như khó xác định được lợi nhuận mà từng mặt hàng đem lại.

Để giải quyết vấn đề này, Công ty nên bổ sung thêm các sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, các sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dưới đây là các mẫu sổ cần bổ sung và một số ví dụ minh họa:

- ☞ Sổ chi tiết bán hàng mẫu số S35 – DN (Biểu 3.1)
- ☞ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mẫu số S36 – DN (Biểu 3.2)
- ☞ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn hàng bán tại Công ty: Ngày 1/11/2012 Công ty xuất khẩu gạo 15% tấm ủy thác cho Công ty TNHH ITV- Tổng Cty Lương thực Miền Nam.

Dựa trên Hóa đơn GTGT số 4308 (Biểu 3.3) và phiếu xuất kho số 1/11 (Biểu 2.4) để vào hạch toán Sổ chi tiết bán hàng gạo 15% tấm (Biểu 3.5), Sổ chi tiết giá vốn hàng bán gạo 15% tấm (Biểu 3.6)

- ☞ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết chi phí bán hàng tại Công ty (Biểu 3.7)(sử dụng lại ví dụ của chương 2).

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị:.....

Mẫu số S35 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1 – Mẫu Sổ chi tiết bán hàng

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị: Công ty CPTM Minh Khai

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ: Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK:621,622,627,154,631,641,142,242,335,632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản ...								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						...	...	...	...	...	...	...	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			-Số dư đầu kỳ										
			-Số phát sinh trong kỳ										
			-Cộng số phát sinh trong kỳ										
			- Ghi Có TK...										
			-Số dư cuối kỳ										

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2 – Mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Ví dụ minh họa

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 01/11/2012	Mẫu số: 01GTKT3-3LL Ký hiệu : AA/11P Số HĐ: 0004038														
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">5</td> <td style="width: 20px;">8</td> <td style="width: 20px;">9</td> <td style="width: 20px;">6</td> <td style="width: 20px;">7</td> <td style="width: 20px;">7</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table> Địa chỉ: Số 23 Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng Điện thoại: 0313.842346 Fax: 0313.842438		0	2	0	0	5	8	9	6	7	7				
0	2	0	0	5	8	9	6	7	7						
Họ tên người mua hàng: Đơn vị: Nhận ủy thác: Cty TNHH 1TV- Tổng Cty Lương thực Miền Nam Địa chỉ: Số 42 Chu Mạnh Minh- Quận I- TP. Hồ Chí Minh. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MST: 03 00613198															
STT	TÊN HH, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN										
A	B	C	1	2	3=1x2										
1	Gạo 15% tấm Xkhẩu	Tấn	55.94	8,688,539	486,036,890.5										
Cộng tiền hàng:					486,036,890.5										
Thuế suất GTGT: 5%				Tiền thuế GTGT:	24,301,844.5										
Tổng cộng tiền thanh toán:					510,338,735										
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm mười triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi năm đồng./.															
Người mua hàng <i>(ký, họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, họ tên)</i>		Thủ trưởng ĐV <i>(ký, họ tên)</i>											

Biểu số 3.3 – Hóa đơn GTGT số 4038

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Ví dụ minh họa:

Đơn vị: CTCPTM	PHIẾU XUẤT KHO Số 1/11	Mẫu số: 02 - VT				
Minh Khai.	Ngày 01 tháng 11 năm 2012	QĐ 15/2006 BTC				
Địa chỉ: 23-Minh Khai						
Tên đơn vị nhận: Cty TNHH 1TV- Tổng Cty Lương thực Miền Nam						
Lý do xuất kho: Xuất ủy thác						
Xuất tại kho:						
TT	TÊN HÀNG	ĐV tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo 15 % tằm	Tấn	55.94	7,932,751	443,758,108	
	Cộng		55.94	7,932,751	443,758,108	

Cộng thành tiền: **Bốn trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn một trăm lẻ tám đồng./.**

K.T trưởng	Thủ kho	Người nhận	P.T cung tiêu	Thủ trưởng ĐV
-------------------	----------------	-------------------	----------------------	----------------------

Biểu 3.4 –Phiếu xuất kho số 1/11

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Ví dụ minh họa

Đơn vị: Công ty CPTM Minh Khai

Địa chỉ: Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Gạo 15 % tằm

Tháng 11 năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng (Tấn)	Đơn giá (Đồng/tấn)	Thành tiền (Đồng)	Thuế	Khác (521, 531, 532)
1/11	HĐ4038	1/11	Xkhẩu gạo ủy thác cho Cty LT Miền Nam	131	55.94	9,122,966	510,338,735		
.....				...					
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng gạo 15% tằm

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Ví dụ minh họa:

Đơn vị: Công ty CPTM Minh Khai

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ: Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Gạo 15 % tằm

Tháng 11 năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			- Số phát sinh trong kỳ				
1/11	PXK1/11	1/11	Giá vốn gạo ủy thác cho Cty LT Miền Nam	156	443,758,108	55.94	7,932,751
...		...					
			- Cộng phát sinh trong kỳ				
			- Ghi Có TK 632	911			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.6 – Sổ chi tiết Giá vốn hàng bán

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Ví dụ minh họa:

Đơn vị: Công ty CPTM Minh Khai

Mẫu số S38 – DN

Địa chỉ: Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng

Tháng 11 năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 641				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						TK6411	...	TK 6414	TK 6418
			- Số phát sinh trong kỳ						
2/11	PC3/11	2/11	Chi phí giao nhận	1111	800,000				800,000
.....				...					
			- Cộng PS trong kỳ						
			- Ghi Có TK 641	911					

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.7 – Sổ chi tiết Chi phí bán hàng

➤ *Về hệ thống sổ tổng hợp.*

Hiện nay tại Công ty CPTM Minh Khai, kế toán tại đây áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, sổ sách theo hình thức này đã thay đổi về kết cấu và cách trình bày so với mẫu quy định. Điều này đã gây lên các khó khăn cho việc tiếp cận, đọc hiểu các bảng biểu tại Công ty. Trên hết, việc ghi chép sổ sách như vậy khiến các sổ sách ở đây trở lên phức tạp, gây ra những khó khăn trong việc tìm kiếm, đối chiếu, sàng lọc những thông tin kinh tế nói chung và các thông tin về các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra nói riêng. Vì vậy, để dễ dàng hơn cho việc đọc hiểu, tìm kiếm, đối chiếu và sàng lọc các thông tin về các khoản chi phí (chính là việc góp phần làm tăng hiệu quả quản lý chi phí kinh doanh tại Doanh nghiệp), Công ty nên thay đổi mẫu sổ hiện có về đúng mẫu sổ chế độ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Dưới đây là một số mẫu sổ Bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan đến doanh thu và chi phí có thể sử dụng tại Công ty CPTM Minh Khai.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S04b5 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 5

Tập hợp: - Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)

- Chi phí bán hàng (TK 641)

- Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)

Tháng...năm...

Số TT	Các TK ghi Nợ Các TK ghi Có	142	152	153	154	214	241	242	334	335	338	351	352	621	622	623	627	631	Các TK phản ánh ở các NKCT khác			Cộng CPTT PS trong tháng
																			NKC T số 1	NKC T số 2	NKCT ...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	TK2411-MS TSCĐ																					
2	TK2412-XDCB																					
3	Hạng mục																					
4																						
9	TK2413-SCL TSCĐ																					
10	TK641- CPBH																					
11	+)CP nhân viên																					
12	+)CP vật liệu,bao bì																					
																						
17	TK642-CPQLDN																					
18	+)CP nhân viên QL																					
19	+)CP vật liệu QL																					
																						
	Cộng																					

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.8 - Mẫu Bảng kê số 5

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a8 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Ghi có các TK:155, 156, 157, 158, 159, 131, 511, 512, 515, 521, 531, 532, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 821, 911

Tháng....năm...

Số TT	SH TK ghi Nợ	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	155	156	157	158	131	511	521	531	532	512	632	641	642	515	635	...	Cộng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	111	Tiền mặt																	
	112	Tiền gửi ngân hàng																	
	113	Tiền đang chuyển																	
	131	Phải thu khách hàng																	
	138	Phải thu khác																	
	128	Đầu tư ngắn hạn khác																	
	222	Vốn góp liên doanh																	
	511	D.Thu bán hàng&CCDV																	
	632	Giá vốn hàng bán																	
	139	Dự phòng nợ PT khó đòi																	
	159	Dự phòng giảm giá HTK																	
	911	Xác định KQKD																	
	...																		
		Cộng																	

Đã ghi Sổ Cái ngày...tháng...năm....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.9 - Mẫu NKCT số 8

3.2.2.3 Hoàn thiện về việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Việc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh giữ một vai trò quan trọng trong phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp. Báo cáo kết quả HĐKD cung cấp những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ, cung cấp những thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp. Từ sự phân tích các số liệu trên Báo cáo kết quả HĐKD mà nhà quản trị và các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá được khả năng sinh lời của doanh nghiệp cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, xác định đầy đủ những nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, từ đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu để phát triển hoạt động SXKD của Doanh nghiệp. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, theo em Công ty nên sử dụng phương pháp phân tích này như là một công cụ hữu hiệu cho việc quản lý doanh nghiệp cũng như việc hoạch định các chiến lược kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

Dưới đây là kết quả phân tích sơ bộ Báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2012 so với năm 2011.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	SO SÁNH 2011-2012	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	230,553,772,243	279,984,493,395	49,430,721,152	21.44%
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	0.00%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	230,553,772,243	279,984,493,395	49,430,721,152	21.44%
4	Giá vốn hàng bán	201,077,566,393	255,536,825,428	54,459,259,035	27.08%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29,476,205,850	24,447,667,967	(5,028,537,883)	-17.06%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	412,909,184	227,705,591	(185,203,593)	-44.85%
7	Chi phí hoạt động tài chính	5,704,899,458	3,452,660,258	(2,252,239,200)	-39.48%
8	Chi phí bán hàng	9,052,338,725	9,806,659,751	754,321,026	8.33%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,962,873,245	3,680,001,573	(282,871,672)	-7.14%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11,169,003,606	7,736,051,976	(3,432,951,630)	-30.74%
11	Thu nhập khác	499,123,381	945,994,401	446,871,020	89.53%
12	Chi phí khác	-	-	-	0.00%
13	Lợi nhuận khác	499,123,381	945,994,401	446,871,020	89.53%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,668,126,987	8,682,046,377	(2,986,080,610)	-25.59%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,041,922,223	1,519,358,116	(522,564,107)	-25.59%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	0.00%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9,626,204,764	7,162,688,261	(2,463,516,503)	-25.59%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,768	3,125	(0,643)	-0.17%

Qua bảng phân tích Báo cáo KQHĐKD năm 2011 và năm 2012, ta thấy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012 bằng 279,984,493,395 đồng tăng lên so với doanh thu năm 2011 là 49,430,721,152 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 21.44%. Điều này thể hiện khả năng tiêu thụ hàng hóa của Công ty là tương đối tốt. Đây là một nhân tố giúp tăng hiệu quả kinh doanh.

Doanh thu thuần năm 2012 so với năm 2011 tăng 49,430,721,152 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 21.44%.

Giá vốn hàng bán năm 2012 tăng lên so với năm 2011 là 54,459,259,035 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 27.08%. Doanh thu bán hàng tăng thì đòi hỏi giá vốn hàng bán tăng. Đây là hoạt động bình thường của Công ty. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu bán hàng. Đây là một xu hướng không tốt, chứng tỏ trong năm đã có sự đột biến tăng giảm quá mức. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên có thể là do lượng hàng hóa mua về đã nhập kho có sự biến động về giá khi các mặt hàng đó bán trên thị trường có xu hướng giảm giá bán nhưng giá mua về đang ở mức cao, Công ty chỉ có thể bán với giá cả bằng hoặc nhỏ hơn thị trường. Vậy nên, trong thời gian tới Công ty nên xây dựng cho mình các kế hoạch mua hàng dự trữ hợp lý và nên trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo tính ổn định cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi phí bán hàng năm 2012 tăng 754,321,026 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng là 8.33%. Như vậy, trong năm 2012 Công ty đã tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư cho công tác bán hàng nhằm củng cố thương hiệu và đưa các mặt hàng mà công ty kinh doanh đến với khách hàng nhiều hơn. Năm 2012 với hệ quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kèm theo sự cạnh tranh khốc liệt của các Doanh nghiệp khác buộc Công ty phải có một chiến lược bán hàng sâu rộng hơn.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 giảm 282,871,672 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ giảm là 7.14%. Đây có thể được xem là thành tích của Doanh nghiệp trong công tác quản lý chi phí QLDN.

Như vậy. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những giảm sút đáng kể. Điều đó thể hiện ở chỉ tiêu lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2012 giảm 3,432,951,630 đồng tương ứng với tốc độ giảm 30.74%.



Hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2012 giảm đi 185,203,593 đồng tương đương với mức giảm 44.85% so với năm 2011. Điều này cho thấy nguồn thu từ hoạt động tài chính đã giảm đi đáng kể. Nguyên nhân của tình trạng này là do Công ty đang trong thời kỳ tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà cho thuê, nâng cấp kho hàng,... Vậy nên, trong các năm tiếp theo khi mà hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, Công ty nên dành thêm nguồn vốn cho hoạt động tài chính, để khoản thu nhập này chiếm tỷ trọng cao hơn và góp phần mang lại nguồn lợi cho Công ty.

Chi phí tài chính giảm một lượng là 2,252,239,200 đồng tương ứng với tốc độ giảm 39.48%. Điều này cho thấy chi phí tài chính của Công ty có xu hướng giảm mạnh. Nguyên nhân của sự giảm mạnh chi phí hoạt động tài chính là do tại thời điểm năm 2012, lãi suất cho vay ngắn hạn của các Ngân hàng ở mức cao đã khiến cho Công ty có quyết định giảm hoạt động đi vay, đồng thời huy động thêm nguồn vốn của các cổ đông làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

Như vậy, hoạt động tài chính năm 2012 đã làm giảm lợi nhuận của Công ty một lượng 3,224,954,667 đồng, giảm 2,067,035,607 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ giảm là 39.06%. Trong thời gian tới, Công ty cần tìm cho mình những giải pháp hợp lý để khắc phục được tình trạng trên.



Hoạt động khác:

Thu nhập từ hoạt động khác năm 2012 so với năm 2011 có sự tăng trưởng mạnh, tăng 89.53% với giá trị tăng thêm là 446,871,020 đồng. Nguyên nhân là do trong năm 2012 Công ty được nhà cung cấp cho hưởng nhiều đợt khuyến mại khi mua hàng với số lượng lớn.

Công ty không có khoản chi phí khác.

Như vậy, Hoạt động khác năm 2012 đã mang lại lợi nhuận là 945,994,401 đồng, tăng 446,871,020 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng là 89.53%. Hoạt động khác đã mang lại hiệu quả cho Công ty.

Kết luận: Sau khi tổng hợp số liệu toàn doanh nghiệp, ta thấy tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2012 nhỏ hơn so với năm 2011 là 2,986,080,610 đồng tương ứng với tốc độ giảm 25.59%. Đây có thể xem là khuyết điểm của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là trong công tác quản lý Giá vốn hàng bán. Vì vậy, trong thời gian tới, Công ty cần xây dựng các biện pháp để khắc phục các hạn chế kể trên.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nói chung và Công ty CPTM nói riêng là một vấn đề tương đối phức tạp và có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại doanh nghiệp.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đề tài đã phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng đã vận dụng lý luận vào nghiên cứu thực tiễn ở Công ty CPTM Minh Khai, trên cơ sở đó đưa ra những nội dung hoàn thiện phù hợp và có khả năng thực hiện được.

Thông qua các nội dung đã trình bày, đề tài đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

- Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống lại chế độ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tế: Đã mô tả khá chi tiết về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai (đề tài minh họa bằng số liệu tháng 11 năm 2012). Từ đó nhận thấy trong công tác hạch toán vẫn còn tồn tại một số hạn chế cũng như việc hạch toán sổ sách có nhiều điểm chưa khoa học, chưa quản lý được chi tiết số liệu và chưa thực sự giúp được ban giám đốc trong việc đề ra các biện pháp sử dụng và quản lý chi phí kinh doanh hiệu quả hơn.

Trên cơ sở đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, đề tài đã đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh ở Công ty, đó là các giải pháp:

- *Hiện đại hóa công tác kế toán*: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán (cụ thể là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012) vào trong việc hạch toán

kế toán tại doanh nghiệp nhằm giúp cho việc quản lý Doanh nghiệp nói chung và quản lý chi phí nói riêng được hiệu quả hơn.

- *Bổ sung thêm các sổ chi tiết theo dõi khoản doanh thu, chi phí:* Công ty nên mở thêm các sổ chi tiết bán hàng, chi tiết giá vốn và chi tiết chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để có những số liệu cụ thể về doanh thu và các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra. Dựa vào đó để giúp doanh nghiệp lập kế hoạch mua bán hàng hóa; hoạch định, kiểm soát chi phí;

- *Thay đổi mẫu sổ về đúng mẫu sổ quy định:* Để dễ dàng hơn cho việc đọc hiểu, tìm kiếm, đối chiếu và sàng lọc các thông tin về các khoản chi phí, Công ty nên thay đổi mẫu sổ hiện có về đúng mẫu sổ chế độ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.;

- *Hoàn thiện về việc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh:* Công ty nên tiến hành đi sâu vào việc phân tích các chỉ tiêu (đặc biệt là các chỉ tiêu về chi phí) và sự biến động của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp tìm ra các giải pháp hữu hiệu để đạt được mục tiêu quản lý chi phí trong từng thời kỳ.

Các giải pháp đưa ra đều xuất phát từ thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai. Thông qua đó em hy vọng sẽ góp phần giúp Công ty nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý chi phí kinh doanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB. Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB. Tài chính.
3. Phan Đức Dũng (2011), *Kế toán tài chính – Dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán*, NXB. Thống kê.
4. Phan Đức Dũng (2011), *Kế toán tài chính (Phần 2) – Kế toán thương mại và dịch vụ*, NXB. Thống kê.
5. Võ Thanh Thu, Ngô Thị Hải Xuân (2006), *Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh thương mại*, NXB. Lao động xã hội.
6. Số liệu và bảng tính trích từ nguồn tài liệu tại Phòng Kế toán tài vụ của Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.